



**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013



Vì cuộc sống của Nhà Nông

For the life of Farmers

Top 200 Doanh nghiệp...



1

"Dưới

Tỷ USD tốt nhất châu Á 2013,,

Forbes Asia



Kính thưa Quý Cổ đông !

Năm 2013, mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, song cùng với sự lãnh đạo và hỗ trợ của Chính Phủ, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp nên tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2013 tiếp tục phát triển ổn định.



Tăng trưởng quốc nội GDP tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng tuy có thấp hơn mục tiêu đề ra là 5,5% nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,67% xấp xỉ mức tăng năm trước. Năm qua, tình hình thời tiết, khí hậu cũng biến đổi không lường, ảnh hưởng đến mùa vụ, hoạt động sản xuất và cung ứng giống.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2013 Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC) đạt doanh thu thuần là 603,081 tỷ đồng, tương ứng 81% kế hoạch đã đề ra và tăng 31% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế đạt 76,999 tỷ đồng, vượt kế cao hơn 14% so với cùng kỳ và đạt 85% kế hoạch.

Theo đó, Công ty mặc dù chưa đạt được theo kỳ vọng ở doanh thu nhưng vẫn đảm bảo tăng trưởng so với cùng kỳ. Đồng thời với nỗ lực quyết tâm của HĐQT, Ban điều hành Công ty, SSC cũng đã tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, từng bước thâm nhập thị trường các nước trong khu vực, tích cực thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản lý chất lượng và hoàn thiện công tác quản trị nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

Những thành quả trên có được là nhờ nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty, sự chỉ đạo Bộ NN & PTNT, sự ủng hộ của các cổ đông, sự hợp tác, hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể, đơn vị đối tác, khách hàng, nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng cũng đã góp phần đáng kể cho sự phát triển ổn định của Công ty trong năm qua.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị và tin tưởng rằng quý vị sẽ tiếp tục đóng góp, hỗ trợ và hợp tác với Công ty trong thời gian tới.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hàng Phi Quang

PHẦN I

TỔNG QUAN CÔNG TY

- 06 Thông tin khái quát
- 07 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy tổ chức sản xuất
- 19 Định hướng phát triển
- 21 Các yếu tố rủi ro

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 32 Hoạt động đầu tư
- 34 Tình hình tài chính
- 37 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

PHẦN III

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 40 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 44 Tình hình tài chính
- 49 Các mặt hoạt động khác và những cải tiến trong năm
- 53 Kế hoạch phát triển tương lai

PHẦN IV

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 57 HĐQT Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 59 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 60 Định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 62 Hội đồng quản trị
- 67 Ban Kiểm soát
- 70 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013



SK 100



PHẦN I. TỔNG QUAN CÔNG TY

- 06 Thông tin khái quát
- 07 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy tổ chức sản xuất
- 19 Định hướng phát triển
- 21 Các yếu tố rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam
Tên tiếng Anh	Southern Seed Corporation (SSC)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0302634683 do Sở Kế hoạch – Đầu tư TP.HCM cấp ngày 24/06/2002, thay đổi lần thứ 5, ngày 06/09/2011
Vốn điều lệ	149.923.670.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	300.442.526.784 đồng
Địa chỉ	282 Lê Văn Sỹ, phường 1, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại	(08) 3844.2414
Số fax	(08) 3844.2387
Website	http://www.ssc.com.vn
Mã cổ phiếu	SSC
Sàn niêm yết	HOSE
Ngày niêm yết	01/03/2005
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.992.367 cổ phiếu



SK 100

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Tháng 7, được cổ phần hóa, đổi tên thành Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam với Vốn điều lệ 60 tỷ đồng

Thành lập Công ty Giống cây trồng TW2 (Trực thuộc Bộ Nông Nghiệp)

Hợp nhất trái giống lúa nguyên chủng Cờ Đỏ trở thành Chi nhánh I (Công ty giống cây trồng TW)

1976

1978

1981

1989

1993

2002

Đổi tên thành Công ty Giống cây trồng Miền Nam

Đổi thành XN Giống cây trồng I (trực thuộc Công ty Giống cây trồng TW)

Công ty Giống cây trồng phía Nam được thành lập

Phát hành thêm 4.499.427 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và 492.940 cổ phiếu ưu đãi cho HĐQT, BKS, CBCNV, nâng vốn điều lệ lên 149.923.670.000 đồng.

Thành lập Chi nhánh Miền Trung, Văn phòng Đại diện tại Lào và Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC

Cổ phiếu Công ty chính thức được niêm yết tại TTGDCK TP HCM (Mã Chứng khoán: **SSC**)

2005

2007

2010

2012

2013

Phát hành 4.000.000 cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên thành 100.000.000.000 đồng

Công ty được công nhận là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ

Hợp tác

- 1 Thành viên hiệp hội giống cây trồng Châu Á – Thái Bình Dương (APSA)
- 2 Thành viên Hội giống cây trồng Việt Nam (VSA)
- 3 Thành viên tổ chức CIMMYT
- 4 Thành viên tổ chức IRRI
- 5 Thành viên tổ chức AVRDC
- 6 Thành viên hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam (VSTA)



**DẤU
ẤN
TRƯỜNG
THÀNH...**



Và một số thành tích quan trọng khác:

- Thương hiệu Chứng khoán Uy Tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam
- **Bằng khen** của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, **Cờ thi đua** do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng
- Được bình chọn là **Hạt giống Vàng Việt Nam cấp 5 sao**
- Được cấp giấy chứng nhận **Doanh nghiệp Khoa học công nghệ**
- **Top 200 Forbes** ,**Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2013**





SK 100

**NỖ
LỰC
TRONG
NĂM 2013**

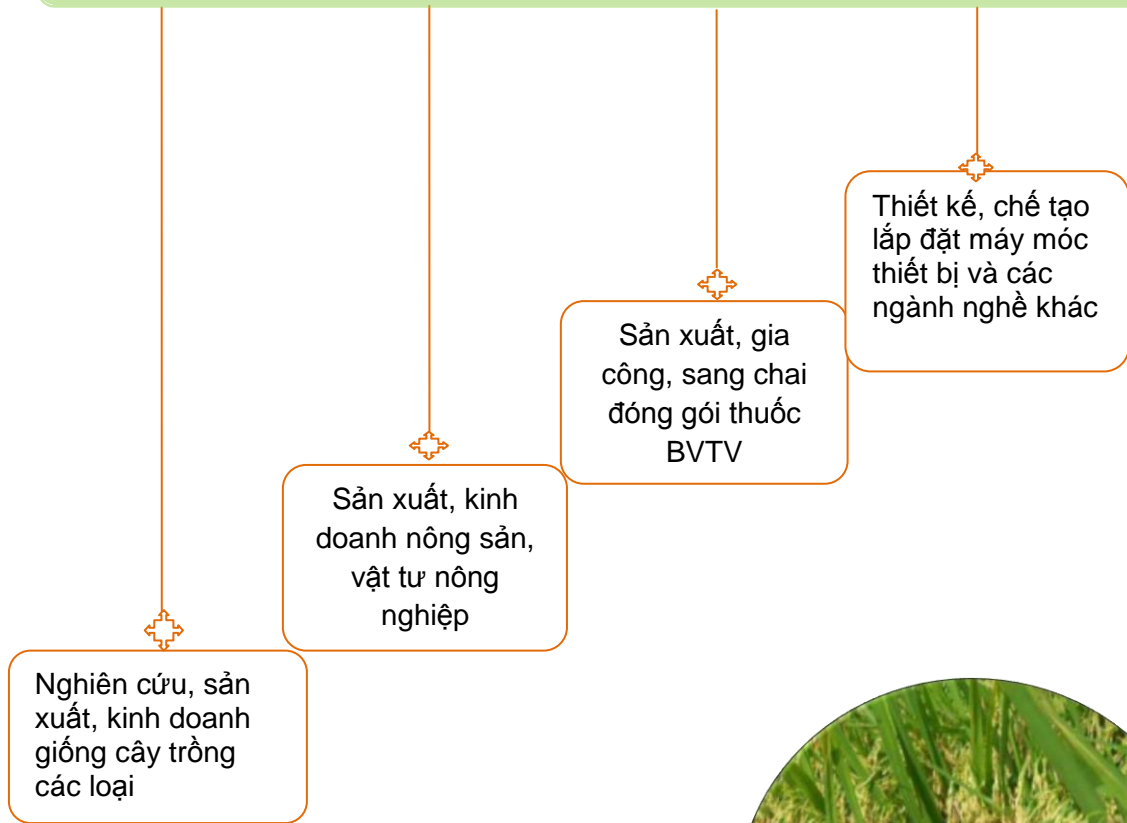
- ✓ Được Chủ tịch nước tặng **Huân chương Độc lập Hạng III**
- ✓ **Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất,**
- ✓ **Top 10 Công ty Việt Nam có vốn dưới 1 tỷ USD Tốt nhất Châu Á** (Tạp chí Forbes bình chọn năm 2013);
- ✓ **Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh năm 2013**
- ✓ **Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt,**
- ✓ **Giải thưởng Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới** cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
- ✓ **Thương hiệu mạnh năm 2013,**
- ✓ **Top 1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất;**
- ✓ **Thương hiệu Việt uy tín**



Bác ứu 903 KBL



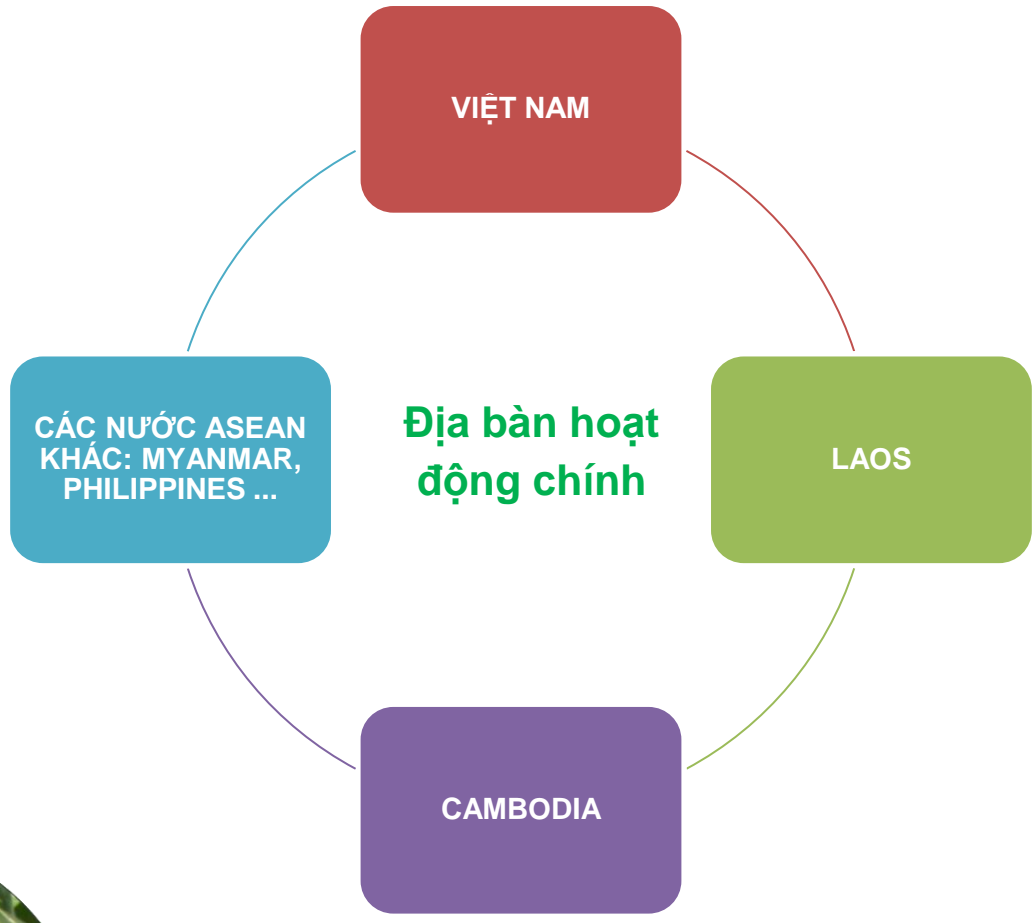
NGÀNH NGHỀ VÀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Hạt giống vàng Việt Nam cấp 5 sao



SK 100



Bạn của Nhà Nông...

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY, TỔ CHỨC SẢN XUẤT

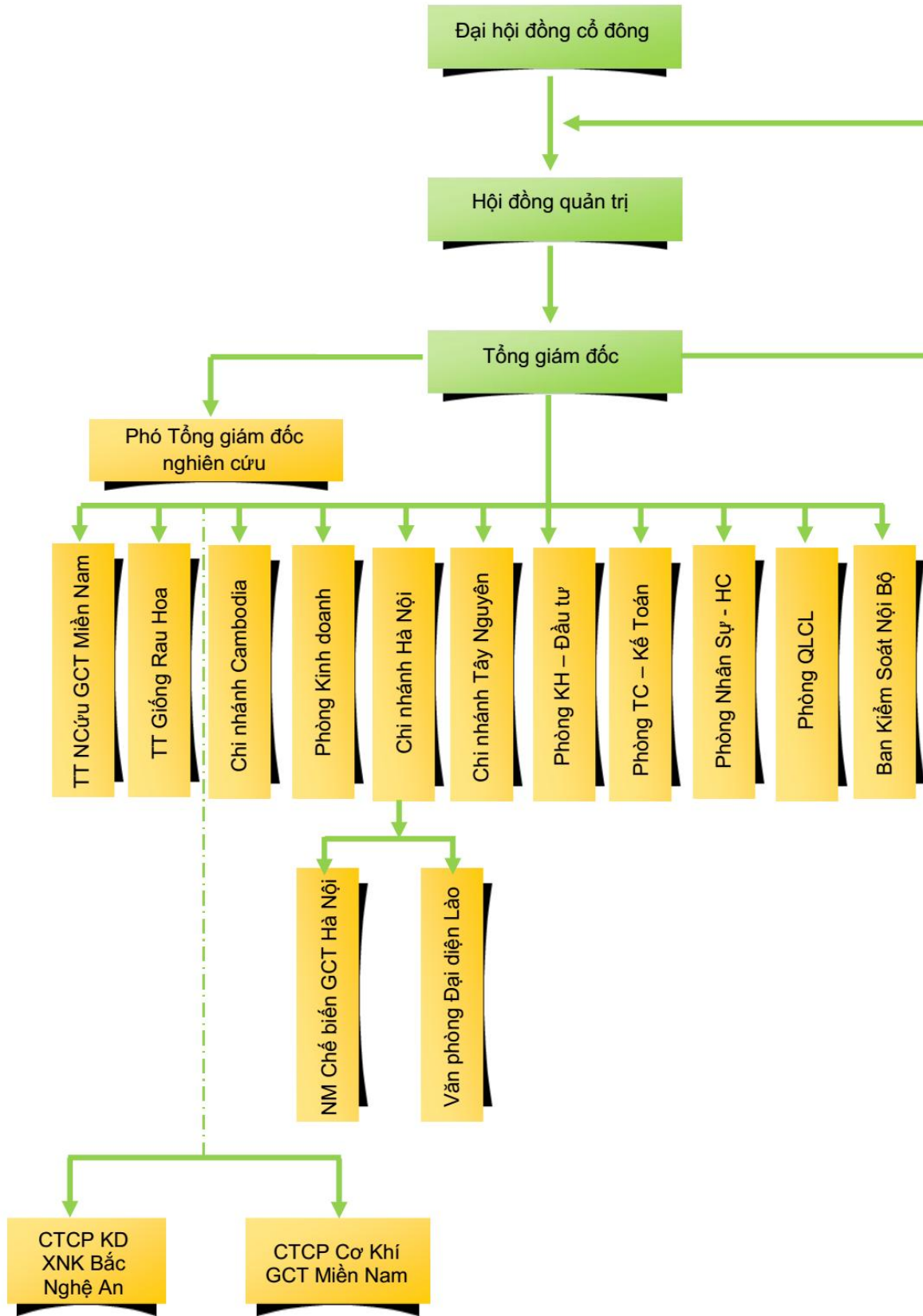
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp Việt Nam với các thiết chế quan trọng gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và BTGD. Là một Công ty đại chúng được niêm yết trên Thị trường chứng khoán, Công ty thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của UBCK Nhà Nước.

Hiện nay, HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên với mỗi nhiệm kỳ kéo dài 05 năm, trong đó có 2 thành viên là thành viên không điều hành. HĐQT chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty.

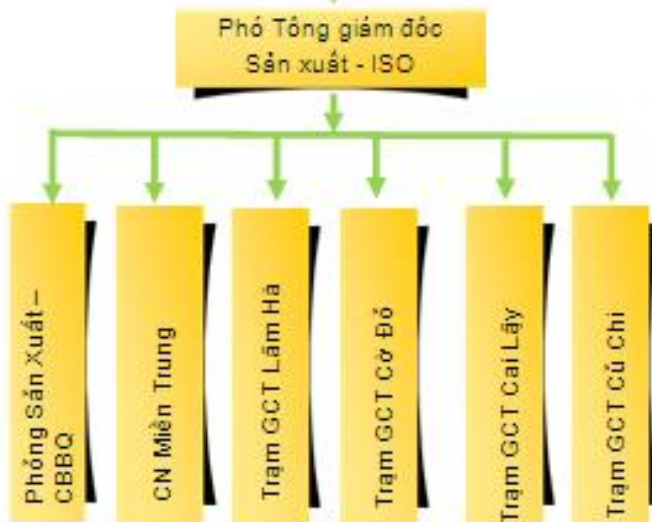
Bên cạnh HĐQT, Ban kiểm soát cũng là một thiết chế quan trọng đóng vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và các thành viên trong HĐQT và BGD. Trong SSC, Ban kiểm soát có nhiệm kỳ hoạt động là 05 năm là một cơ quan độc lập thực sự gồm 03 thành viên, không phải là người có liên quan đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành, hoạt động độc lập với bộ máy điều hành và có chức năng quan trọng là thực hiện công tác giám sát để bảo vệ quyền lợi cho cổ đông, bảo vệ công ty và những người có quyền lợi liên quan đến SSC.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Ban kiểm soát





SK 100

Tổ chức sản xuất kinh doanh

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH NC - SX - KD CỦA SSC KHU VỰC ASIAN
BRANCHES NETWORK OF SSC IN ASIAN AREA



Mở rộng quy mô hoạt động năm 2013...

- Chi nhánh miền Trung (Cụm công nghiệp Trảng Nhật, huyện Điện Bàn, Quảng Nam) xây dựng năm 2013 .
- Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa-SSC : 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ chí Minh, thành lập tháng 9/2013
- Văn phòng Đại diện Lào: Bản Sạ Phăng Mớ, huyện Xay Tha Ni, Thủ đô Viêng Chăn – Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, thành lập tháng 9/2013

CTCP KD XNK Bắc Nghệ An (Giống cây trồng Nam An)

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản,

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng, công ty SSC sở hữu 70% vốn điều lệ.

Chủ tịch HĐQT : Ông Nguyễn Tiến Hiệp

Giám đốc Công ty: Ông Vũ Quốc Doanh

CTCP Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
- + Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- + Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng.

Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng công ty SSC sở hữu 83,74% vốn điều lệ.

- + Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Tiến Hiệp (từ 13/4/2013)
- + Giám đốc : Ông Lê Thế Ngọc

**SK 100**

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ◆ Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm trên 20%, tăng trưởng lợi nhuận hàng năm trên 10%.
- ◆ Giữ thị phần trong nước: bắp lai trên 20%; lúa lai trên 10%, hạt giống rau 5%.
- ◆ Từng bước phát triển thị trường lúa lai, hạt rau lai đạt hiệu quả kinh doanh cao qua việc chủ động tăng cường hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.
- ◆ Đa dạng hoá mặt hàng và sản phẩm giống, vật tư nông nghiệp.

**Doanh thu
tăng trên
20%**

**Lợi nhuận
tăng trên
10%**

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ◆ Tăng cường nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác nghiên cứu, sản xuất và chế biến nhằm chọn tạo nhiều giống tốt, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá chủng loại sản phẩm;
- ◆ Tăng cường hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, Viện, Trường trong và ngoài nước về ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, chọn tạo nguồn giống bố mẹ chất lượng cao để sản xuất trong nước;
- ◆ Tăng cường hợp tác trong sản xuất, kinh doanh bán hạt giống, duy trì và phát triển thị phần trong nước bằng cách tăng cường tiếp thị, trình diễn và bán hàng chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng thị trường sang Lào và Cambodia, Myanmar;
- ◆ Triển khai dự án Tổ hợp Chung cư – Thương mại – Văn phòng Daewon – SSC tại 282 Lê Văn Sỹ.
- ◆ Hợp tác phân phối độc quyền một số giống bắp lai, giống rau của công ty Dekalb thuộc tập đoàn Monsanto (USA) để tăng doanh thu và thị phần và sẽ tiến đến việc hợp tác sâu hơn trong lĩnh vực sản xuất và nghiên cứu;
- ◆ Chú trọng việc mua bản quyền giống để đa dạng sản phẩm và tăng trưởng doanh thu hạt giống.

Bác ứu 903 KBL



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- ◆ **Đối với hoạt động sản xuất:** Quy trình sản xuất sản phẩm hạt giống, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường;
- ◆ **Đối với người lao động:** Công ty đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành đối với người lao động. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn sản xuất lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cần thiết trong quá trình sản xuất;
- ◆ **Đối với khách hàng:** Khách hàng chính của SSC là người nông dân, do đó, Công ty luôn tiếp cận sâu sát, hướng hoạt động sản xuất của Công ty đến nhu cầu chung của người nông dân, làm người bạn đồng hành cùng nông dân qua mỗi mùa vụ...;
- ◆ **Đối với Nhà đầu tư/Cổ đông hiện hữu của Công ty:** SSC luôn công khai minh bạch thông tin theo đúng các quy định của luật chứng khoán, thị trường chứng khoán cũng như đáp ứng thông tin được truyền tải đầy đủ đến Nhà đầu tư.



**SK 100**

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Năm 2013, bức tranh kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực, các thông số vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định với chỉ số lạm phát được giữ ở mức thấp, tỷ giá không biến động mạnh, tín dụng được nới lỏng hơn so với giai đoạn trước, tỷ lệ tăng trưởng GDP đạt 5,42% - mức tăng trưởng này dù thấp hơn mục tiêu đã đề ra (5,5%) nhưng cao hơn mức tăng trưởng năm 2012 (5,25%). Tuy vậy, theo Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang trong tình trạng khó khăn. Năm 2013 ghi nhận sự giảm mạnh về quy mô tài sản, vốn chủ sở hữu, và doanh thu, sản lượng của các doanh nghiệp. Nền nông nghiệp Việt Nam mặc dù được xác định là “trụ đỡ” của nền kinh tế nhưng vẫn còn tồn tại các nhược điểm của kinh tế tiểu nông, thiếu cơ giới hóa, thiếu hệ thống chế biến, giá bán nông sản thô thấp, không ổn định. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giống cây trồng nói chung và Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam nói riêng đều không tránh khỏi những khó khăn, trở ngại chung của cả nền kinh tế.

Rủi ro về tỷ giá

USD, CNY là hai loại tỷ giá liên quan đến các giao dịch ngoại tệ chủ yếu của Công ty. Dù tỷ trọng giá trị của các giao dịch liên quan đến hai ngoại tệ này không nhiều nhưng bất cứ biến động nào của hai đồng tiền tệ này cũng sẽ ít nhiều ảnh hưởng. Tuy nhiên, đối với SSC, rủi ro do thay đổi tỷ giá ngoại tệ trong năm qua là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Trong năm 2013, bình quân giá trị khoản vay của SSC tương đương 10% giá trị tổng tài sản, chi phí tài chính cũng chiếm một tỷ lệ tương đương so với tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty. Do vậy, nếu lãi suất cho vay biến động theo chiều hướng tiêu cực thì gánh nặng tài chính của Công ty cũng không nhỏ. Tuy nhiên, trong năm 2013 khi tăng trưởng tín dụng thấp, lãi suất cho vay giảm về mức khá thấp. Dự báo trong năm 2014, lãi suất vẫn được điều tiết để duy trì quanh mức đã đạt được năm 2013. Theo đó, chi phí lãi vay cũng như khả năng tiếp cận các khoản vay trong ngắn hạn sẽ không gây nhiều áp lực đối với Công ty cổ phần giống cây trồng Miền Nam.

Rủi ro về thị trường

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường rất gay gắt giữa các công ty giống trong và ngoài nước về chính sách kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ hạt giống ảnh hưởng đến việc phát triển các loại sản phẩm hạt giống của công ty. Trong nước hiện có hơn 200 công ty sản xuất và phân phối hạt giống cây trồng, các công ty đa quốc gia (Monsanto, Syngenta, CP....) với tiềm lực mạnh về vốn, công nghệ, nhân lực và quản trị công ty sẽ là những đối thủ cạnh tranh hàng đầu và thực hiện chiến lược mua bán & sáp nhập các công ty giống trong thời gian tới. Bên cạnh đó các công ty hạt giống trong nước (NSC, TSC, AGPPS) cũng đang phát triển mạnh chia sẻ thị phần, gây áp lực giảm giá bán ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

Rủi ro về luật pháp:

Hoạt động của Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam tuân theo các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, v.v... Luật và các văn bản dưới luật tại Việt Nam trong quá trình hoàn thiện, khi có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng tới công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Cụ thể là các chính sách về thay đổi cơ cấu, chuyển đổi giống cây trồng đã ảnh hưởng đến tâm lý nông dân cũng như tác động gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh, thiết lập mạng lưới phân phối sản phẩm và hệ thống bán hàng.

Rủi ro đặc thù ngành:

Nguyên vật liệu: Với bình quân tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 75% tổng chi phí sản xuất kinh doanh và tương đương khoảng 60% doanh thu thuần của Công ty thì bất cứ biến động nào của giá cả, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào đều ảnh hưởng mạnh đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SSC.

Về nguyên vật liệu chính là hạt giống, là một Công ty hoạt động lâu đời, thiết lập và duy trì mối quan hệ khá dài và bền vững với các nhà cung cấp thông qua các hợp đồng cung ứng dài hạn; thêm vào đó là tốc độ tăng giá hạt giống đầu vào luôn ở hợp lý. Nhờ đó, việc tăng giá cả nguyên vật liệu không phải là thách thức lớn đối với Công ty.

Thời tiết: Thời tiết, khí hậu đóng vai trò đặc biệt ảnh hưởng đến năng suất, tiến độ tăng trưởng của cây trồng, gồm một số hiện tượng tiêu biểu: (1) Sương giá: mang hàm lượng muối lớn, gây cháy lá, rụng lá ảnh hưởng sự tăng trưởng cây trồng. (2) Hạn hán, mưa, bão cũng ảnh hưởng không tốt đến năng suất, sự phát triển của cây trồng. Hiện nay trong cả nước, tình hình diễn biến khí hậu đang diễn ra khá phức tạp, khó lường, đặc biệt khó khăn cho hoạt động sản xuất trồng trọt.

Sâu bệnh: Hiện tượng cây trồng bị các loại sâu, rệp, mối, ve sầu, v.v... gây hại ở thân, rễ, lá hạn chế khả năng sinh trưởng hoặc hủy hoại cây. Tình hình sâu bệnh đang phát sinh và gây hại ngày càng đa dạng, phức tạp, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và chất lượng giống cây trồng.

Xu hướng diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp: sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm gần đây và cũng là xu hướng trong tương lai dẫn đến sự thu hẹp dần của diện tích đất nông nghiệp. Bình quân mỗi năm cả nước mất đi 7.000 ha diện tích đất trồng lúa. Do đó, việc duy trì được diện tích 3,81 triệu ha đất trồng lúa đến năm 2020 theo như quy hoạch là khó khăn, thách thức khá lớn.

Các rủi ro khác:

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như rủi ro về động đất, thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn... Đây là những rủi ro có xác suất xảy ra thấp nhưng nếu xảy ra sẽ có mức độ thiệt hại đáng kể về con người và cả tài sản... Tuy nhiên, với phương châm hoạt động thận trọng, SSC đã mua bảo hiểm tài sản (nhà xưởng, hàng hóa, phương tiện vận tải...) và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động nhằm hạn chế phần nào những rủi ro khách quan nói trên.



SK 100



PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 32 Hoạt động đầu tư
- 34 Tình hình tài chính
- 37 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



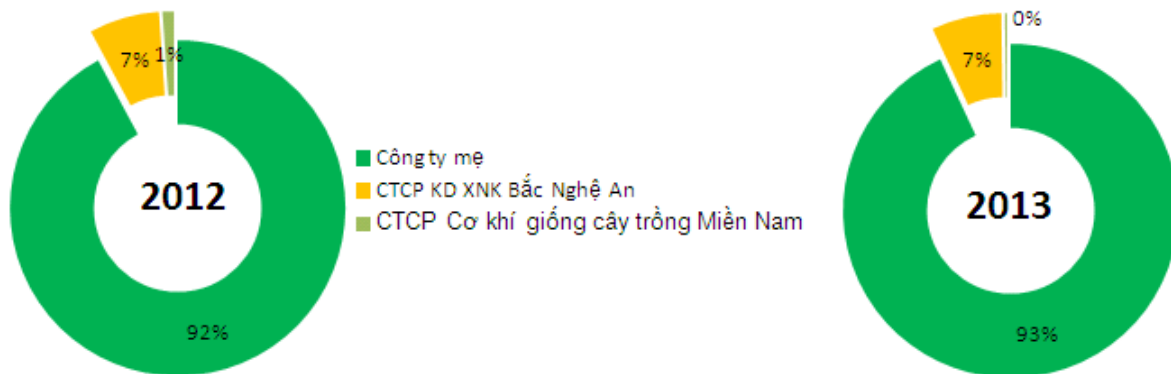
CÁC MẠT HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

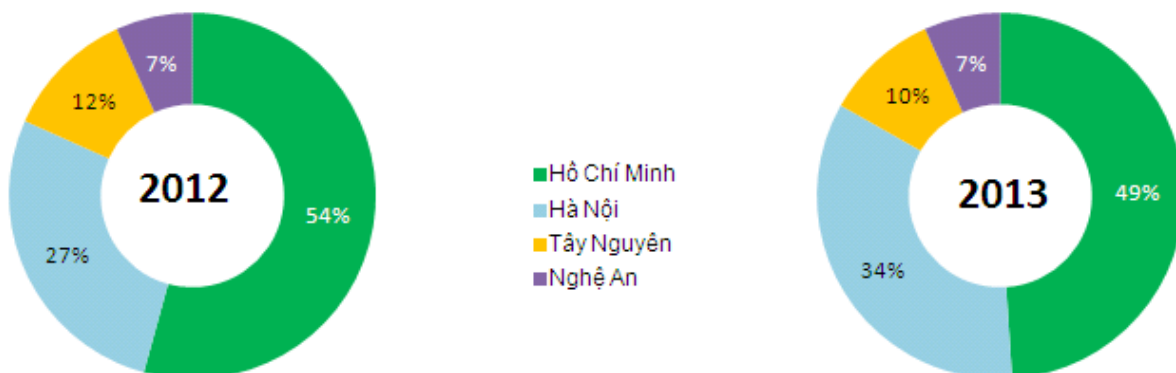
1

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012 (Tr.đồng)	Thực hiện 2013 (Tr.đồng)	Kế hoạch 2013 (Tr.đồng)	So sánh thực hiện 2013/2012 (%)	So sánh với Kế Hoạch 2013 (%)
Doanh thu thuần	459.169	603.081	742.173	31%	81%
Lợi nhuận gộp	148.790	160.733		7%	
Lợi nhuận trước thuế	80.255	77.337	97.134	-4%	80%
Lợi nhuận sau thuế	67.807	76.999	91.068	14%	85%

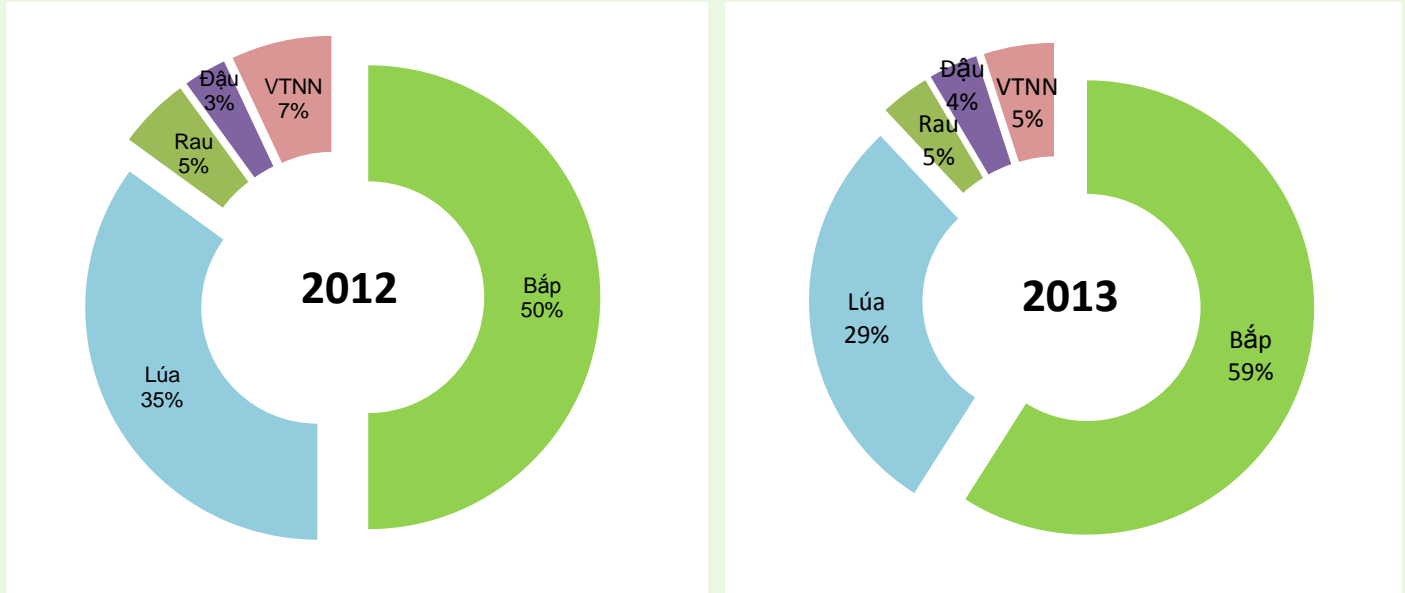
Cơ cấu doanh thu hợp nhất



Cơ cấu doanh thu theo bộ phận



Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm:



Về doanh thu

Nhìn chung, trong năm 2013 Công ty đạt một số thành quả và tiến bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do bị tác động bởi những khó khăn của nền kinh tế, thị trường giống, biến đổi thời tiết khí hậu và một số nguyên nhân do chủ quan, nên kết quả thực hiện năm 2013 không đạt mức kỳ vọng của Công ty mặc dù có tăng trưởng so với cùng kỳ; cụ thể kết quả doanh thu thuần đạt: 603,08 tỷ đồng, tăng 31% so cùng kỳ, đạt 81% Kế hoạch năm 2013.

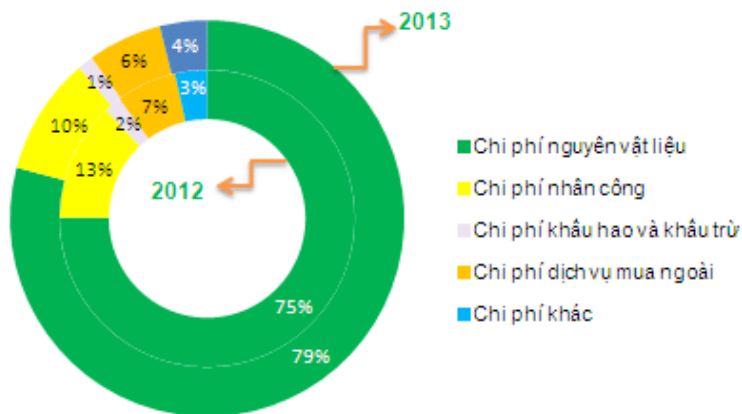
Cụ thể:

Xét về cơ cấu doanh thu hợp nhất: Công ty mẹ luôn chiếm tỷ trọng phần lớn trong cơ cấu doanh thu tổng công ty. Công ty cổ phần kinh doanh XNK Bắc Nghệ An đóng góp hơn 5% tổng doanh thu. Công ty cổ phần cơ khí giống cây trồng chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (khoảng hơn 1 tỷ đồng trong năm 2013). Cơ cấu này không thay đổi so với cùng kỳ 2012.

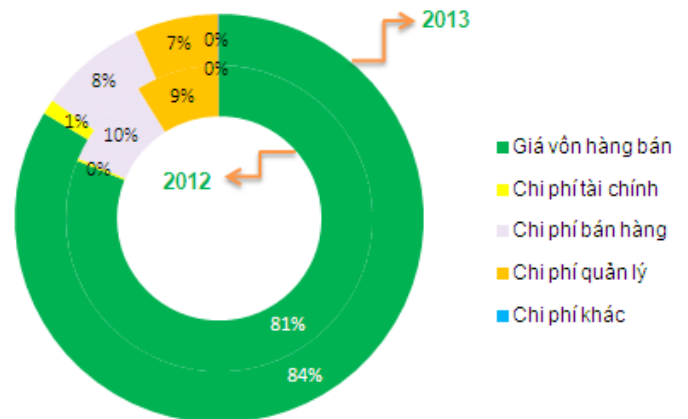
Xét về cơ cấu doanh thu theo bộ phận: Khu vực tiêu thụ lớn nhất là Tp.Hồ Chí Minh với khoảng 49% năm 2013 và 54% năm 2012, Hà Nội là thị trường đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn thứ 2 với khoảng 27% năm 2012 và 34% năm 2013. Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ là 02 địa bàn kinh doanh đóng góp phần tỷ trọng còn lại.

Xét về cơ cấu doanh thu theo sản phẩm: Bắp (gồm Bắp vàng, Bắp nếp, Bắp Dekalb) là sản phẩm tạo ra doanh thu nhiều nhất cho SSC với khoảng 59% năm; trong đó, riêng Bắp Dekalb đã đóng góp 28% tổng doanh thu của Công ty. Lúa lai, lúa thuần là nhóm sản phẩm đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn thứ hai với khoảng 29% năm 2013. Rau, đậu và vật tư nông nghiệp là nhóm các sản phẩm đóng góp phần doanh thu còn lại với tỷ trọng lần lượt là 3%, 4% và 5% trong năm 2013.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2012-2013



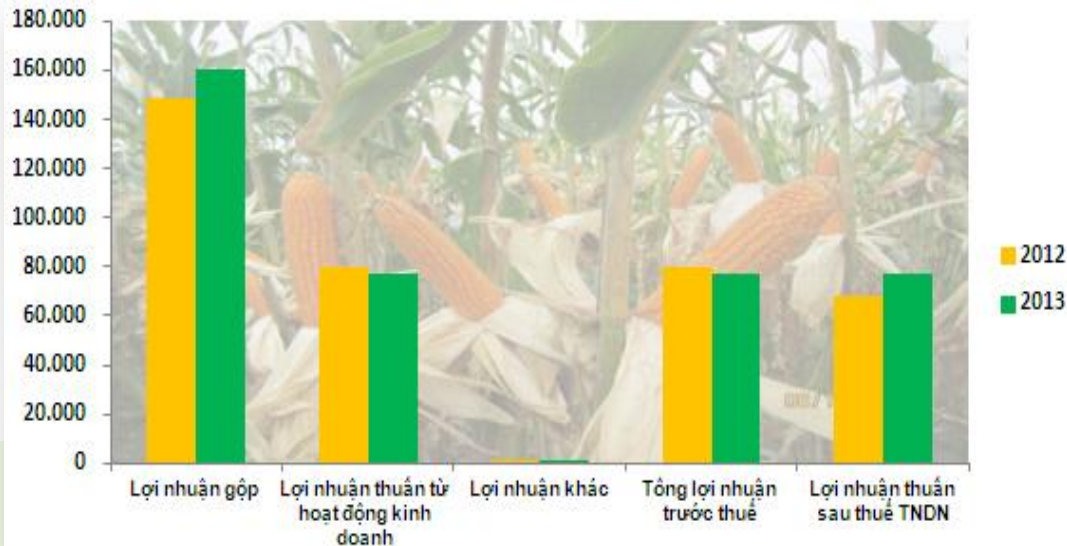
Cơ cấu chi phí hoạt động năm 2012-2013



Về Chi phí hoạt động

Trong khi Doanh thu Công ty tăng 31% thì tổng chi phí hoạt động nói chung của Công ty tăng đến 34%. Với tỷ trọng hơn 80% trong cơ cấu chi phí và 73% giá trị doanh thu thuần, Giá vốn hàng bán tăng 132 tỷ đồng tương đương mức tăng 43% ảnh hưởng khá tiêu cực đến kết quả hoạt động của SSC. Sự tăng giá vốn hàng bán là chủ yếu là do thay đổi cơ cấu sản phẩm và tăng giá nguyên vật liệu đầu vào... Chi phí Bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng là 02 khoản mục chiếm một phần không nhỏ trong cơ cấu chi phí. Cả 02 khoản mục này đều tăng trong năm 2013 so với cùng kỳ với mức tăng 9%. Đáng chú ý hơn cả là sự gia tăng của chi phí tài chính. Trong khi các năm trước, gánh nặng chi phí tài chính chỉ từ 1 đến 2 tỷ đồng thì năm 2013, giá trị khoản mục này tăng lên hơn 6 tỷ đồng, tương đương 522% so với cùng kỳ.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố càng thể hiện rõ nét hơn sự ảnh hưởng của các yếu tố chi phí đến kết quả hoạt động của SSC: Tỷ trọng Chi phí nguyên vật liệu trong cơ cấu tăng từ 75% năm 2012 lên 79% trong năm 2013. Với tỷ trọng gần 70% doanh thu thuần, sự biến động tăng của khoản mục chi phí này thực tế đã làm giảm đáng kể lợi nhuận gộp của Công ty.



Lợi nhuận hoạt động

Doanh thu hoạt động tăng nhưng không đủ bù đắp sự tăng lên của các chi phí Giá vốn hàng bán, Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp dẫn đến một số chỉ tiêu như lợi nhuận hoạt động kinh doanh giảm gần 4% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, hưởng lợi từ chính sách ưu đãi thuế trong năm 2013 do Công ty có hoạt động KH&CN nên kết quả lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể gần 14%. Cụ thể, trong khi năm 2012, tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải đóng hơn 12 tỷ đồng thì khoản thuế phải nộp trong năm 2013 chỉ còn 1,9 tỷ đồng.



◆ Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Hàng Phi Quang	Tổng Giám Đốc	44.587	0,29%
2	Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó tổng giám đốc	50.818	0,34%
3	Dương Thành Tài	Phó tổng giám đốc	44.251	0,29%
4	Nguyễn Tiến Hiệp	Giám đốc tài chính	4.129	0,028%
5	Lê Tôn Hùng	Kế Toán Trưởng	11	0,00%



HÀNG PHI QUANG

◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - Cử nhân Luật

◆ Quá trình công tác:

- + Từ 1989-1993: Kế toán trưởng công ty GCT TW2.
- + Từ 1993-2002: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty XNK Côn Sơn.
- + Từ 2002-2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP GCT miền Nam;
- + Từ 2007-2008: Chủ tịch HĐQT, Phó TGD CTCP Giống cây trồng miền Nam.
- + Từ 2008-2012 : Phó Chủ tịch HĐQT, TGD CTCP Giống cây trồng miền Nam.
- + Từ 5/2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT, TGD CTCP Giống cây trồng miền Nam



NGUYỄN HOÀNG TUẤN

◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học

◆ Quá trình công tác:

- + Từ 1992-1996: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Giống Cây Trồng Miền Nam.
- + Từ 1996-2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty GCT MN.
- + Từ 2005-2012: Ủy viên HĐQT, Phó TGD CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam.
- + Từ 5/2012-đến nay: Phó TGD CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam.



DƯƠNG THÀNH TÀI

◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học

◆ Quá trình công tác:

- + Từ 1997-2000: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Giống cây trồng Tp. Hồ Chí Minh.
- + Từ 2000-2002: Nghiên cứu viên, Công ty Giống cây trồng miền Nam.
- + Từ 2002-2005: Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển, CTCP Giống Cây Trồng MN
- + Từ 2005-2008: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển, CTCP Giống cây trồng miền Nam.
- + Từ 2008 đến nay: Phó TGD phụ trách Nghiên cứu, CTCP Giống cây trồng MN



NGUYỄN TIẾN HIỆP

◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

◆ Quá trình công tác:

- + Từ 1989-1992: Kế toán Tổng hợp Công ty Giống cây trồng TW2
- + Từ 1993-1996 : Phó Kế toán Trưởng Công ty Giống cây trồng Miền Nam (TW2)
- + Từ 1996-6/2002 : Kế toán Trưởng Công ty Giống cây trồng Miền Nam
- + Từ 7/2002-2012 – Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Giống Cây Trồng MN
- + Từ 2/2012 đến nay – Ủy viên HĐQT, Giám đốc Tài chính CTCP Giống Cây Trồng MN



LE TON HUNG

◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

◆ Quá trình công tác:

- + Từ 1993-1994 : Nhân viên Công ty Giày Hiệp Hưng
- + Từ 1995 đến nay: lần lượt nắm giữ các chức vụ: Nhân viên/Phó Kế toán trưởng/Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam .



SK 100

Trong năm 2013, Công ty không có bất cứ sự thay đổi nào đối với Ban điều hành



Tình hình nhân sự Công ty trong năm 2013



Nhân sự của Công ty được tuyển dụng từ các Viện, Trường Đại học, Cao đẳng và Trung học dạy nghề tùy theo nhu cầu của sản xuất kinh doanh và được phân bố trên các miền của đất nước phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty và phần lớn đều có trình độ Kỹ sư. Ngoài ra, tại các địa bàn sản xuất hoặc vào thời vụ chế biến Công ty sẽ bổ sung nguồn lao động thời vụ. So với các đơn vị trong nước cùng ngành nghề thì SSC có nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu công việc. Tuy nhiên để phát triển và hội nhập thì cần một nỗ lực lớn hơn cả về công tác đào tạo và tái cấu trúc nhân sự mới có thể đáp ứng nhu cầu.

Tổng số lao động đến 31/12/2013 là **396 người** Trong đó:

STT	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ		
1	Trên Đại học	24	6,1%
2	Đại học	175	44,2%
3	Cao đẳng/Trung cấp	87	22%
4	Sơ cấp/Công nhân nghề	33	8,3%
5	Lao động phổ thông	77	19,4%
B	Theo hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng xác định thời hạn	227	57%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	154	39%
3	Hợp đồng thử việc/cộng tác viên	15	4%
TỔNG SỐ		396	100%

Một số chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo

Do đặc thù của ngành nghề nên các nhân viên thường xuyên được đào tạo, huấn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn trong và ngoài nước. Công ty luôn mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức nước ngoài, các cơ quan khoa học để cán bộ, nhân viên có điều kiện tiếp thu những tiến bộ KHKT đồng thời khuyến khích cán bộ học ngoại ngữ, chuyên môn nghiệp vụ.

Trong năm 2013, công ty đã triển khai công tác đào tạo cho 549 lượt người.

Lao động và Tiền lương

Tuân thủ luật lệ, điều lệ, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với luật pháp lao động. Đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết Hợp đồng lao động, chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe, có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người lao động nỗ lực cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Tuân thủ các quy định hiện hành, căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh và điều lệ để xây dựng quy định trả lương. Hàng năm SSC xây dựng quỹ tiền lương và trả lương đảm bảo nguyên tắc:

- ✓ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước;
- ✓ Lợi nhuận thực hiện phải đảm bảo kế hoạch chi trả cổ tức;
- ✓ Tốc độ tăng tiền lương thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động;
- ✓ Công ty có tích lũy và tăng trưởng.

Nhờ đó, trong các năm qua SSC luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, đạt và vượt lợi nhuận kế hoạch, đảm bảo mức trả cổ tức 25% trong năm 2013 và có tích lũy đầu tư phát triển.

Thu nhập bình quân năm 2013 của Công ty là: 9.994.853 đồng/người/tháng.

Chính sách tuyển dụng

Tuyển dụng nội bộ và nguồn lực bên ngoài dựa trên nhu cầu, năng lực của ứng viên và kế hoạch SXKD của Công ty. Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng con em CBNV;

- Khi Công ty có nhu cầu tuyển dụng lao động, nếu người lao động có con, anh, chị em đến tuổi lao động và đáp ứng điều kiện, năng lực, tiêu chuẩn thì được ưu tiên xem xét tuyển dụng.
- Trường hợp khi Công ty phải thu hẹp quy mô SXKD, một số Người lao động phải mất việc làm thì nếu khi Công ty phát triển mở rộng SXKD trở lại thì căn cứ vào tuổi đời, sức khỏe, năng lực và khả năng làm việc thì số Người lao động này sẽ được ưu tiên xem xét tuyển dụng.

Môi trường làm việc

- Tư tưởng người lao động an tâm công tác, thu nhập của người lao động được giữ ổn định. Chính sách đãi ngộ của SSC theo chiều hướng tích cực (đóng BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thu nhập);
- Cơ hội phát triển, thăng tiến nếu đáp ứng yêu cầu về năng lực, tiêu chuẩn công việc;
- Từng bước xây dựng văn hóa, ứng xử trong doanh nghiệp, quan hệ phối hợp, hỗ trợ đồng nghiệp, hướng tới mục tiêu đáp ứng lợi ích của khách hàng

◆ Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trong năm

STT	Đơn vị	Kế hoạch 2013 (Triệu đồng)	Thực hiện 2013 (Triệu đồng)	% Kế hoạch
I	Trại Cờ Đỏ	6.263,47	5.126,85	81,85%
	Xây dựng nhà kho	5.861,03	4.773,01	81,44%
	Quy hoạch - Cải tạo	402,44	353,83	87,92%
II	Trại Lâm Hà	95,00	20,00	21,05%
	Thiết bị	95,00	20,00	21,05%
III	Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng (SRC)	958,50	37,51	3,91%
	Thiết bị	958,50	37,51	3,91%
IV	Trạm Củ Chi	1.003,00	713,90	71,18%
	Thiết bị	1.003,00	713,90	71,18%
V	Trạm Cai Lậy	5.047,10	171,00	3,39%
	Dự án Nhà máy chế biến GCT Trà Vinh	4.897,10	19,12	0,39%
	Sửa chữa	150,00	151,88	101,25%
VI	Trụ sở CTY	34.207,50	34.104,44	99,70%
VII	Chi nhánh Miền Trung	4.843,00	4.307,60	88,94%
	Tổng cộng	53.727,57	44.481,29	82,79%

Kế hoạch đầu tư của Công ty chỉ hoàn thành 82,79% chủ yếu là do vướng mắc liên quan đến đất đai, thủ tục hành chính của Dự án Trà Vinh





◆ Tình hình các Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BẮC NGHỆ AN

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	31.064	40.609
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	4.124	4.826
Lợi nhuận từ HĐ sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	102	472
LNTT	Triệu đồng	257	413
LNST	Triệu đồng	257	413
Tổng tài sản	Triệu đồng	12.205	17.737
Vốn điều lệ	Triệu đồng	6.000	6.000
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	3.812	4.224

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.077	1.311
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	(1.284)	(370)
Lợi nhuận từ HĐ sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	(2.579)	(1.321)
LNTT	Triệu đồng	(2.579)	(1.040)
LNST	Triệu đồng	(2.579)	(1.040)
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.309	1.409
Vốn điều lệ	Triệu đồng	4.000	4.000
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	(564)	(1.604)

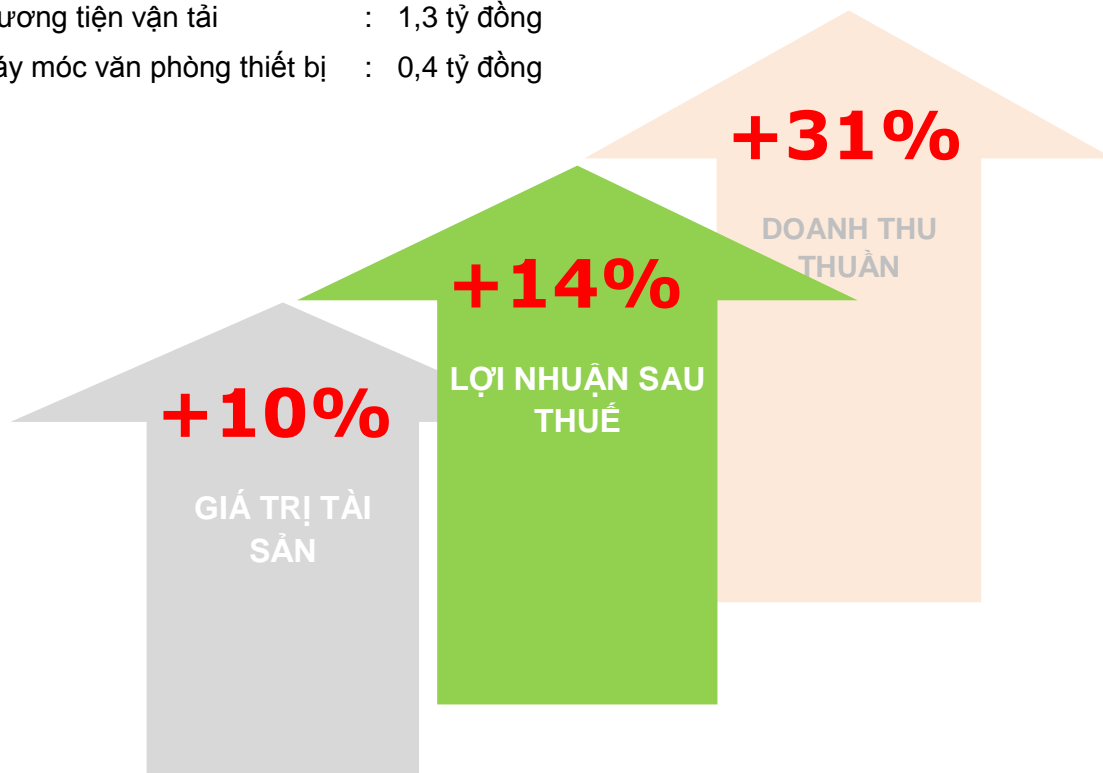
Ngày 13 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông thường niên CTCP Cơ khí Giống cây trồng miền Nam đã chấp nhận thông qua kế hoạch xin phá sản của Công ty theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ. Theo đó, Công ty đã thay đổi cơ sở kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 từ hoạt động liên tục sang cơ sở chấm dứt hoạt động.

Tình hình tài chính năm 2013

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	424.017	468.093	10%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	459.169	603.081	31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	79.979	77.039	(4%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	276	297	7,6%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.255	77.337	(4%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	67.807	76.999	14%
Tỷ lệ lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu	Triệu đồng	4.577	5.150	13%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Triệu đồng	20%	25%	25%

Tổng tài sản năm 2013 tăng khoảng 10% so với năm 2012. Sự tăng này chủ yếu là do giá trị tài sản cố định hữu hình tăng trong năm. Trong năm 2013, Công ty đã đầu tư mới tài sản cố định có giá trị khoảng 35 tỷ đồng, trong đó:

- ◆ Đầu tư mới Nhà cửa vật kiến trúc : 30,3 tỷ đồng
- ◆ Đầu tư mới máy móc thiết bị : 3,6 tỷ đồng
- ◆ Đầu tư mới Phương tiện vận tải : 1,3 tỷ đồng
- ◆ Đầu tư mua máy móc văn phòng thiết bị : 0,4 tỷ đồng



Kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu lợi nhuận

Mặc dù doanh thu, sản lượng của Công ty duy trì mức tăng trưởng khá ấn tượng so với cùng kỳ (31%) nhưng lợi nhuận hoạt động trước thuế lại có sự sụt giảm nhẹ (gần 4%) so với kết quả đạt được năm 2012. Một trong những yếu tố dẫn đến sự sụt giảm trên là sự tăng mạnh của chi phí tài chính. Trong năm 2013, Công ty đã tăng giá trị các khoản vay ngắn hạn dẫn đến gánh nặng chi phí lãi vay tăng lên.

Tuy nhiên, nhờ hưởng lợi từ chính sách thuế đối với doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động KH&CN nên Công ty vẫn đạt tăng trưởng lợi nhuận sau thuế gần 14% so với năm 2012.

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	% tăng/giảm
Tổng doanh thu	Triệu đồng	462.783	607.965	31%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	459.169	603.081	31%
Doanh thu tài chính	Triệu đồng	3.118	2.593	(17%)
Doanh thu khác	Triệu đồng	481	732	52%
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng	15	1.559	
Tổng chi phí hoạt động	Triệu đồng	394.977	530.965	34%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	310.379	442.348	43%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	1.018	6.337	522%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	37.133	44.739	20%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	33.777	35.211	4%
Chi phí khác	Triệu đồng	206	434	111%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	12.464	1.896	(85%)
Lợi nhuận hoạt động	Triệu đồng			
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	148.790	160.733	8%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	79.979	77.039	(4%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	276	297	8%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.255	77.337	(4%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	67.807	76.999	14%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2012	Năm 2013
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,31	2,20
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,03	1,01

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Năm 2012	Năm 2013
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37%	36%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	58%	55%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Năm 2012	Năm 2013
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,11	2,26
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,08	1,29

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15%	13%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25%	27%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	16%	17%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh/Doanh thu thuần	17%	13%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
5

	Đối tượng	Số cổ phần	%Vốn điều lệ	Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng
CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN	Số lượng phát hành	14.992.367	100,00%	14.992.367	0
	Số lượng đang lưu hành	14.930.955	99,59%	14.930.955	0
	Cổ phiếu quỹ	61.412	0,41%	61.412	0
	Cổ đông nhà nước	2.784.000	18,57%	2.784.000	0
	Cổ đông là CBCNV Công ty	753.203	5,02%	753.203	0
	Cổ đông bên ngoài	11.393.752	76,00%	11.393.752	0

	Đối tượng	Số lượng cổ phần	%Vốn điều lệ
CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN	Cổ đông trong nước	11.063.684	73,80%
	<i>Cá nhân</i>	2.690.066	17,94%
	<i>Tổ chức</i>	8.373.618	55,85%
	Cổ đông nước ngoài	3.928.683	26,20%
	<i>Cá nhân</i>	196.763	1,31%
	<i>Tổ chức</i>	3.731.920	24,89%
	Tổng cộng	14.992.367	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu (Theo danh sách ngày 26/3/2014)

Cơ cấu	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị (1.000VNĐ)	%Vốn điều lệ	Giá trị (1.000VNĐ)	%Vốn điều lệ	Giá trị (1.000VNĐ)	%Vốn điều lệ
Cổ đông sở hữu trên 5%	70.007.500	46,70%	26.120.740	17,42%	96.128.240	64,12%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	14.839.710	9,90%	8.715.340	5,81%	23.555.050	15,71%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	25.789.630	17,20%	4.450.750	2,97%	30.240.380	20,17%
Tổng cộng	110.636.840	73,80%	39.286.830	26,20%	149.923.670	100,00%

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Công ty (Theo danh sách ngày 26/3/2014)

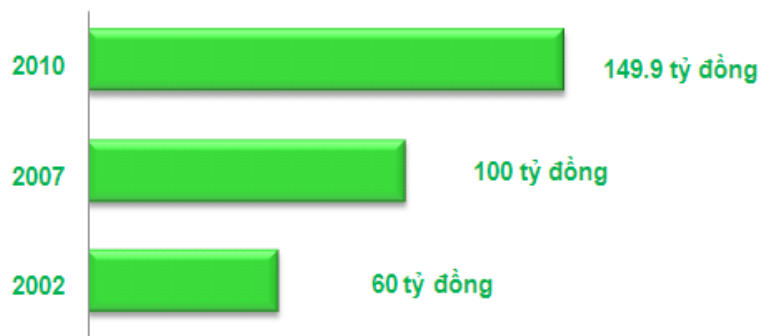
Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	0101992921	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	2.784.000	18,6%
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	19/UBCK-GP	Tầng 5, số1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.306.070	15,4%
Công ty TNHH NDH Việt Nam	0104285751	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243 Đê La Thành, p. Láng Thượng, Đống Đa, Hà nội	1.910.680	12,7%
VIETNAM HOLDING LIMITED	CS1077	Unit 1202 Floor 12, Fideco Tower, 81-85 Ham Nghi, District 1, HCMC, Vietnam	1.481.321	9,9%
PXP VIETNAM FUND LIMITED	C00088	6 th Fl. Opera View Building 161 Dong khoi st. District 1 Ho chi minh city, Viet nam	1.130.753	7,5%

VỐN ĐIỀU LỆ

149.923.670.000 VND

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Quá trình tăng vốn



Kể từ khi cổ phần hóa đến nay, SSC đã trải qua 03 đợt tăng vốn. Trong năm 2013, Công ty không có hoạt động tăng vốn nào.

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2013, SSC đã thực hiện thu hồi cổ phiếu thưởng của CBCNV đã nghỉ việc (giai đoạn từ tháng 3/2007 đến tháng 3/2010), số lượng thu hồi là **48.462 cổ phiếu**. Tính đến 31/12/2013, tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty là 61.412 cổ phiếu.

Các chứng khoán khác: không có.



SK 100



PHẦN III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 40 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 44 Tình hình tài chính
- 49 Các mặt hoạt động khác và những cải tiến trong năm
- 53 Kế hoạch phát triển tương lai



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Kinh tế năm 2013 vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Tăng trưởng kinh tế của các nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu rất mờ nhạt. Khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt. Mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa vững chắc, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển. Việc tạo công ăn việc làm được xem là một thách thức lớn của các nước phát triển.

Những yếu tố không thuận lợi đó từ thị trường thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội Việt Nam. Bức tranh tổng thể nền Kinh tế trong nước vẫn cho thấy còn rất nhiều khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh. Nông nghiệp Việt Nam tuy duy trì tăng trưởng ổn định nhưng vẫn tồn tại nhiều vấn đề của nền sản xuất tiểu điền, quy mô nhỏ, năng suất thấp, giá nông sản không ổn định... cần khẩn trương tiến hành tái cấu trúc

Biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, ảnh hưởng và tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Uy tín, vị thế của SSC ngày càng được khẳng định: Trong năm qua, SSC đã nhận nhiều giải thưởng quan trọng: Huân chương Độc Lập hạng III, Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất, Top **10 Công ty Việt Nam có vốn dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á** (*Tạp chí Forbes bình chọn năm 2013*); Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Giải thưởng Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Thương hiệu mạnh năm 2013, Top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế cao nhất.
- Cơ chế, chính sách quản lý kinh doanh thông thoáng. Với định hướng chiến lược phát triển lâu dài, được sự ủng hộ của Hội đồng quản trị, SSC đầu tư mạnh cho nghiên cứu, mua bản quyền giống góp phần thúc đẩy nhanh ra sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với một số công ty lớn như Monsanto, Long Bình Tứ Xuyên, Nongwoo-Bio, Forward.... Nhờ đó, một số sản phẩm của SSC được mở rộng tiêu thụ ở thị trường.
- Xây dựng tốt hơn các mối quan hệ với cơ quan, chính quyền giúp khai thác các chính sách nhà nước để bán hàng, tham gia vào các chương trình trợ giá trợ cước.
- Vùng nguyên liệu được mở rộng, ổn định quanh năm. Công suất kho, sấy, chế biến được tăng cường do được đầu tư xây dựng, lắp đặt thiết bị mới hàng năm.

KHÓ KHĂN

- Nhân sự quản lý cấp trung biến động mạnh ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị.
- Còn thiếu những sản phẩm mới có tính vượt trội và khác biệt. Thêm vào đó doanh thu một số sản phẩm cũ suy giảm ảnh hưởng đến thị phần của SSC.
- Giá thành đầu vào tăng trong khi giá bán một số mặt hàng giảm, chiết khấu tăng đã làm giảm tổng giá trị thuần của Công ty.
- Thị trường vốn khó khăn, khả năng thanh khoản thấp, áp lực công nợ gia tăng.
- Giá nông sản giảm dẫn đến sự thay đổi cơ cấu sản phẩm và mùa vụ nên khó đáp ứng đúng chủng loại giống cũng như khó dự báo thị trường.
- Vẫn còn thiếu kho bãi và năng lực chế biến, đóng gói hạt giống làm chậm cung ứng hàng hoá, đặc biệt là vào thời gian chính vụ.

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2013

Chỉ tiêu	2011	2012	2013		Thực hiện 2012/2011	Thực hiện 2013/2012	Thực hiện 2013/KH
	Thực hiện (Tr.đ)	Thực hiện (Tr.đ)	Kế hoạch (Tr.đ)	Thực hiện (Tr.đ)			
Doanh thu	387.855	462.768	742.173	606.406	19%	31%	
<i>Doanh thu thuần</i>	383.514	459.169	742.173	603.081	20%	31%	81%
<i>Doanh thu tài chính</i>	4.266	3.118		2.593	(27%)	(17%)	
<i>Doanh thu khác</i>	75	481		732	541%	52%	
Chi phí hoạt động	329.643	394.977		530.965	20%	34%	
<i>GVHB</i>	239.345	310.379		442.348	30%	43%	
<i>Chi phí tài chính</i>	2.252	1.018		6.337	(55%)	522%	
<i>Chi phí bán hàng</i>	38.033	37.133		44.739	(2%)	20%	
<i>Chi phí quản lý</i>	35.375	33.777		35.211	(5%)	4%	
<i>Chi phí khác</i>	171	206		434	20%	111%	
<i>Chi phí thuế TNDN</i>	14.467	12.464		1.896	(14%)	-85%	
Lợi nhuận							
Lợi nhuận trước thuế	72.680	80.255	97.134	77.337	10%	(4%)	80%
Lợi nhuận sau thuế	58.346	67.807	91.068	76.999	16%	14%	85%

Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước chưa hết khó khăn, Công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng 31% so với 2012, cao hơn mức tăng trưởng 19% đạt được năm 2012 so với năm 2011. Tuy nhiên so với mục tiêu kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ thường niên 2013, Công ty chỉ đạt 81%.

Tuy vậy, mức tăng doanh thu không đủ bù đắp sự tăng lên của chi phí nên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty giảm nhẹ (giảm 4%) so với cùng kỳ. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như các đối tác của Công ty, thêm vào đó là sự cạnh tranh ngày càng cao của nguyên vật liệu đầu vào, sự cạnh tranh thị trường tiêu thụ... đòi hỏi Công ty phải đầu tư nhiều hơn cho công tác bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt, gánh nặng chi phí trong năm 2013 đã góp phần làm xấu đi kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty đã có sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ với mức giảm 4% và chỉ đạt 80% chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Mặc dù vậy, nhờ chính sách ưu đãi thuế trong năm từ hoạt động liên quan đến KH&CN nên chi phí thuế TNDN đã giảm một khoản không nhỏ (hơn 11 tỷ đồng), đã giúp Lợi nhuận sau thuế tăng 14% so với cùng kỳ và vượt mức kế hoạch đề ra với mức đạt 85% kế hoạch.

Hoạt động SXKD

Tình hình tài chính

Chế biến Bảo quản

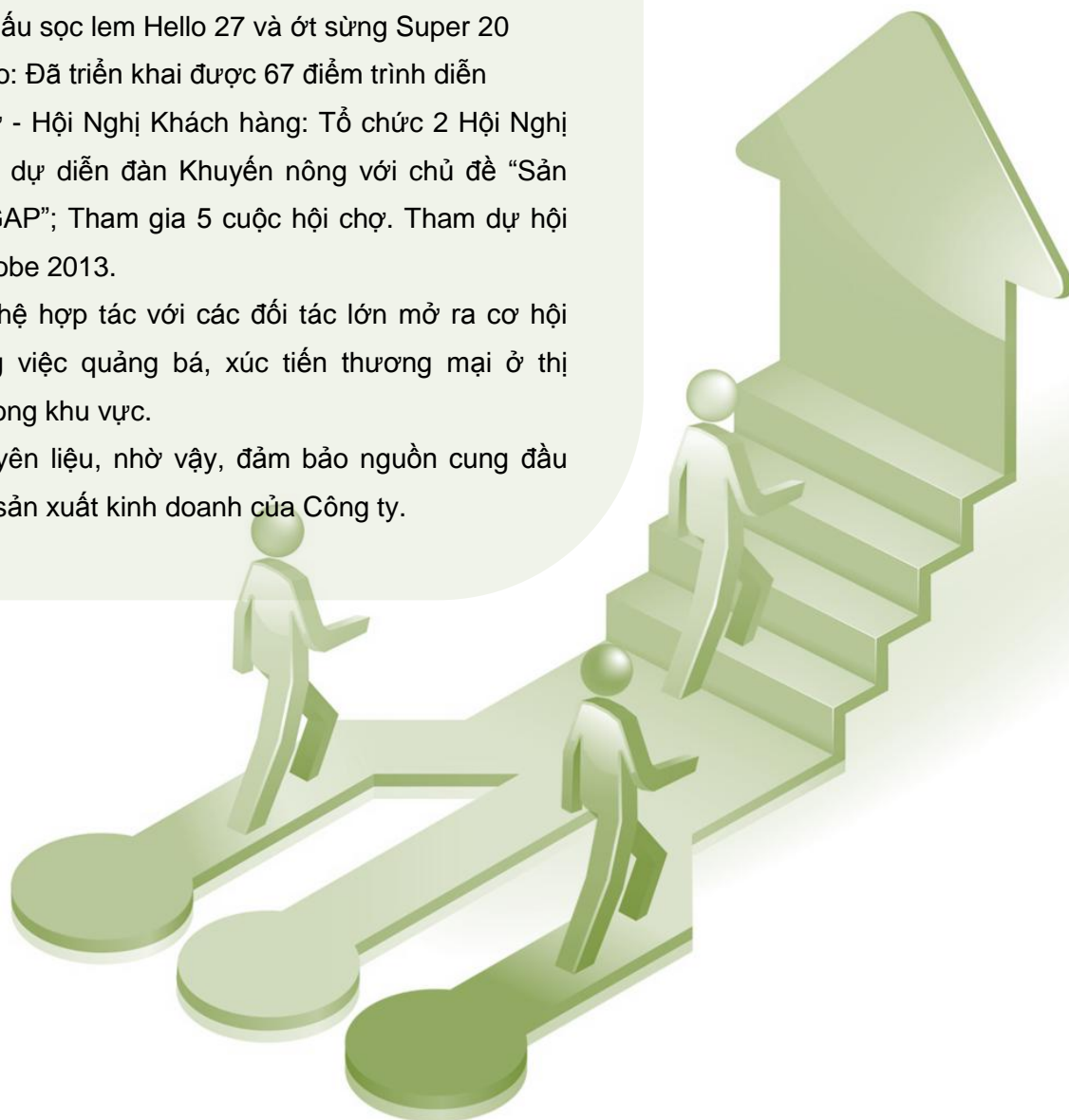
Nghiên cứu và phát triển

Trách nhiệm xã hội

Những cải tiến trong năm

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM 2013

- Mở rộng mạnh thị trường trong khu vực: Lào, Cambodia, Myanmar:
Ước tính, đến nay, thị phần của SSC tại Cambodia chiếm 45% thị trường, tại Lào chiếm 20-25%
- Trung tâm rau hoa mới thành lập và bước đầu có thành tựu đáng ghi nhận:
 - Công tác nghiên cứu và phát triển tiếp tục được chú trọng, nhờ đó đã phát triển thêm nhiều giống mới như Lúa lai Nam Ưu 209, Ngô Vàng SK100, P2P, Ngô nếp CX247, SSC121, ứng dụng các công nghệ và giải pháp xử lý giống, kháng bệnh...hiệu quả.
 - Khảo nghiệm: 32 giống rau mới, đưa ra kinh doanh 6 giống: Bầu trắng G20, bầu sao New Star 99, bí đao Queen 01, dưa hấu trái dài Lucky 01, dưa hấu sọc lem Hello 27 và ớt sừng Super 20
 - Trình diễn - Hội thảo: Đã triển khai được 67 điểm trình diễn
 - Triển lãm - Hội chợ - Hội Nghị Khách hàng: Tổ chức 2 Hội Nghị Khách hàng; Tham dự diễn đàn Khuyến nông với chủ đề “Sản xuất rau theo VietGAP”; Tham gia 5 cuộc hội chợ. Tham dự hội nghị giống APSA Kobe 2013.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác lớn mở ra cơ hội lớn cho SSC trong việc quảng bá, xúc tiến thương mại ở thị trường các nước trong khu vực.
- Mở rộng vùng nguyên liệu, nhờ vậy, đảm bảo nguồn cung đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





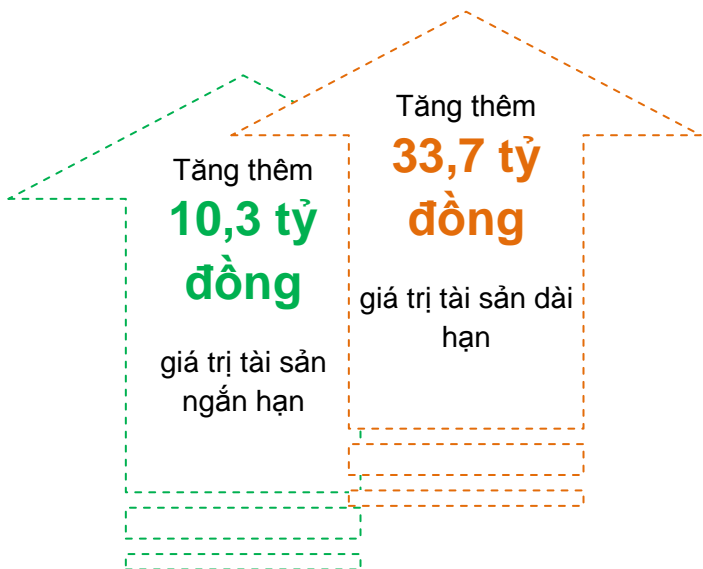
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

Cơ cấu tài sản	2012		2013	
	Giá trị (tr.đồng)	% tổng tài sản	Giá trị (tr.đồng)	% tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn	352.854	83%	363.177	78%
Tài sản dài hạn	71.163	17%	104.917	22%
Tổng tài sản	424.017	100%	468.094	100%

Tổng giá trị tài sản của Công ty tăng 10% trong năm 2013 so với năm 2012, tương đương hơn 44 tỷ đồng. Giá trị tăng thêm này chủ yếu là do sự tăng lên của tài sản dài hạn (tăng 47% so với cùng kỳ).

Với sự tăng thêm của tổng giá trị tài sản dài hạn, cơ cấu tài sản trong năm 2013 đã có sự chuyển dịch so với năm 2012: Tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 78% tổng tài sản trong khi tỷ lệ này là 83% trong năm 2012.



Hoạt động SXKD

Tình hình tài chính

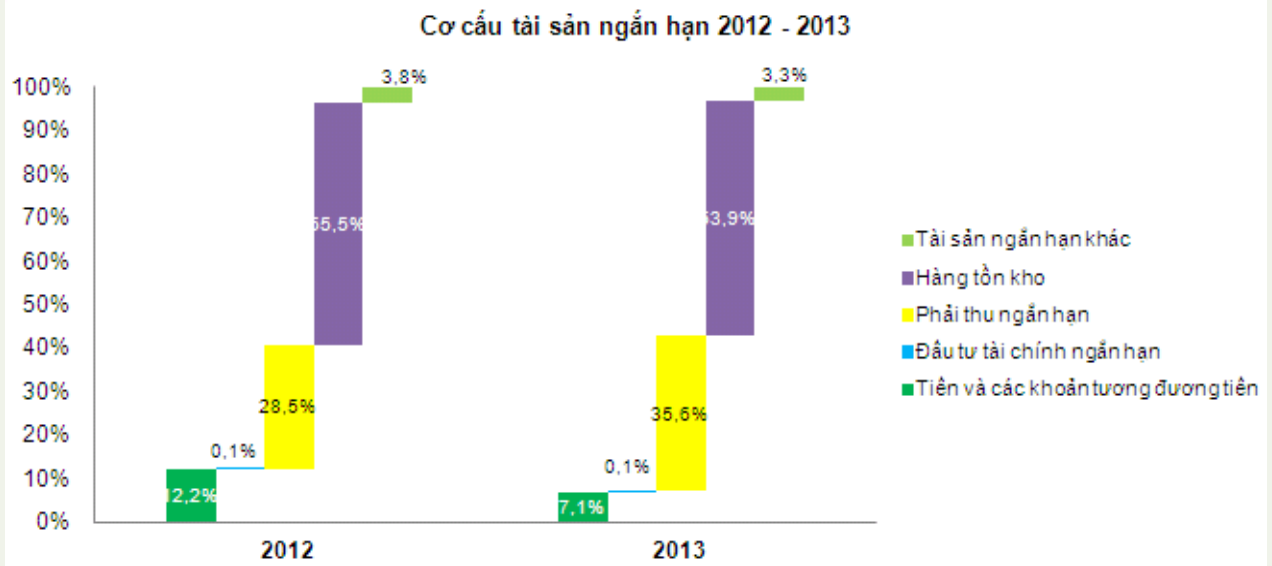
Chế biến Bảo quản

Nghiên cứu và phát triển

Trách nhiệm xã hội

Những cải tiến trong năm

Tài sản ngắn hạn:



Tài sản ngắn hạn năm 2013 có sự tăng nhẹ với mức tăng 3% tương đương hơn 10 tỷ đồng. Khoản phải thu trong năm là yếu tố dẫn đến sự tăng nhẹ này: Trong khi các yếu tố khác trong tài sản ngắn hạn đều có xu hướng giảm hoặc ít biến động thì giá trị khoản mục Phải thu khác hàng lại tăng thêm gần 30 tỷ đồng, tương đương khoảng 36%.

Trong cơ cấu tài sản dài hạn:

90%

là giá trị Tài sản cố định

Cơ cấu tài sản dài hạn	ĐVT	2012	2013
Tài sản cố định		68.372	96.763
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		<i>30.603</i>	<i>59.267</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		<i>37.756</i>	<i>37.477</i>
Chi phí XDCBDD		13,2	18,5
Tài sản dài hạn khác		1.503	7.050
Lợi thế thương mại		1.288	1.104
Tổng giá trị		71.163	104.917

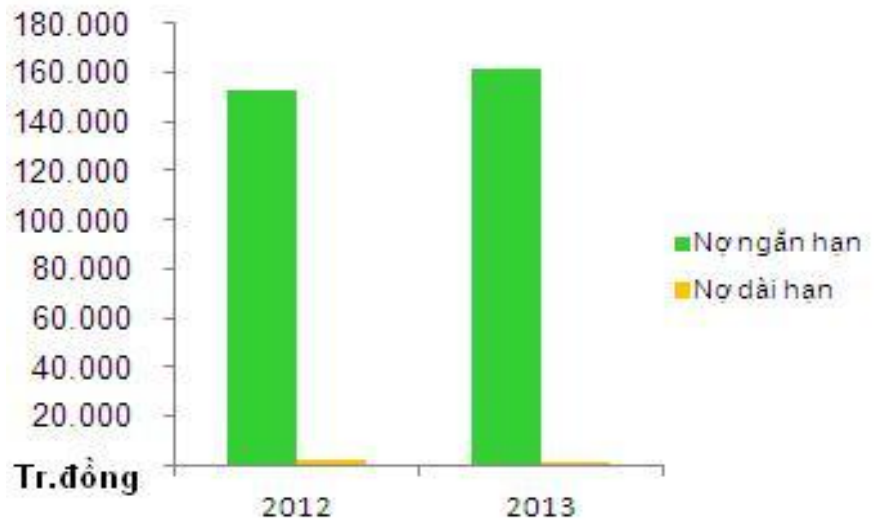
Triệu đồng

Năng lực hoạt động được cải thiện hơn trong năm 2013 so với cùng kỳ:

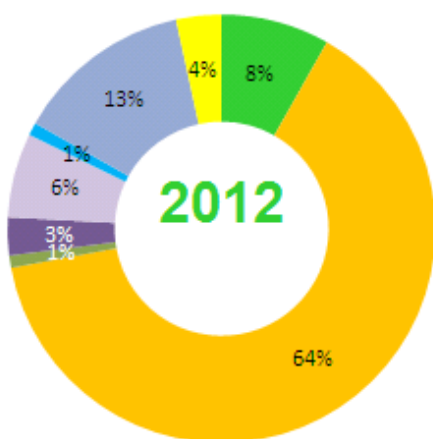
Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động	ĐVT	2012	2013
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,11	2,26
<i>Số ngày tồn kho</i>	<i>Ngày</i>	<i>171</i>	<i>159</i>
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	5,47	5,25
<i>Số ngày phải thu bình quân</i>	<i>Ngày</i>	<i>66</i>	<i>69</i>
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	6,61	7,30
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,24	1,35

Tình hình nợ phải trả

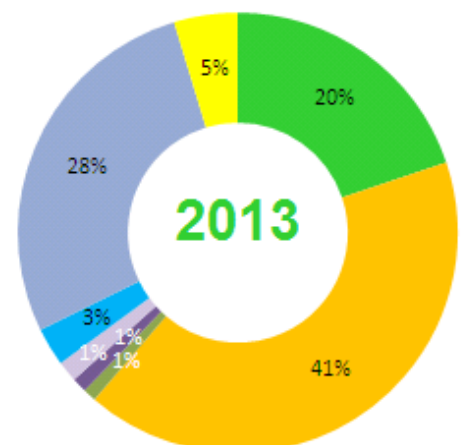
Nợ phải trả ngắn hạn chiếm tỷ trọng phần lớn trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty **tăng 8%** trong năm 2013



Xét về cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn, giá trị khoản mục *Phải trả người bán* luôn chiếm vị trí lớn nhất với mức bình quân khoảng 40% - 60% tổng nợ phải trả ngắn hạn. Trong năm 2013, với mục đích bổ sung vốn lưu động, giá trị khoản mục *Vay và nợ ngắn hạn* tăng 157% so với cùng kỳ;



- Vay và nợ ngắn hạn
- Phải trả người bán
- Người mua trả tiền trước
- Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước
- Phải trả người lao động
- Chi phí phải trả
- Phải trả phải nộp khác
- Quỹ khen thưởng phúc lợi



- ◆ Trong năm 2013, tỷ lệ phát sinh nợ xấu của Công ty không đáng kể. Các nghĩa vụ phải trả đều được thanh toán trong kỳ hạn. Với thực tế tình hình nợ vay như vậy nên biến động lãi suất không có tác động đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ◆ Tương tự, với tỷ trọng không đáng kể của lãi/lỗ từ chênh lệch tỷ giá trong doanh thu, chi phí tài chính của Công ty và có xu hướng giảm trong năm 2013 nên biến động của tỷ giá không phải là mối đe dọa đối với kết quả hoạt động của SSC trong năm 2013:

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Tổng doanh thu tài chính	Triệu đồng	3.118	2.593
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Triệu đồng	97	0,53
<i>Tỷ trọng lãi chênh lệch tỷ giá trong tổng doanh thu tài chính</i>	%	3,1%	0,02%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	1.018	6.337
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	Triệu đồng	300	1.448
<i>Tỷ trọng lỗ chênh lệch tỷ giá so với chi phí tài chính</i>	%	29%	22,8%

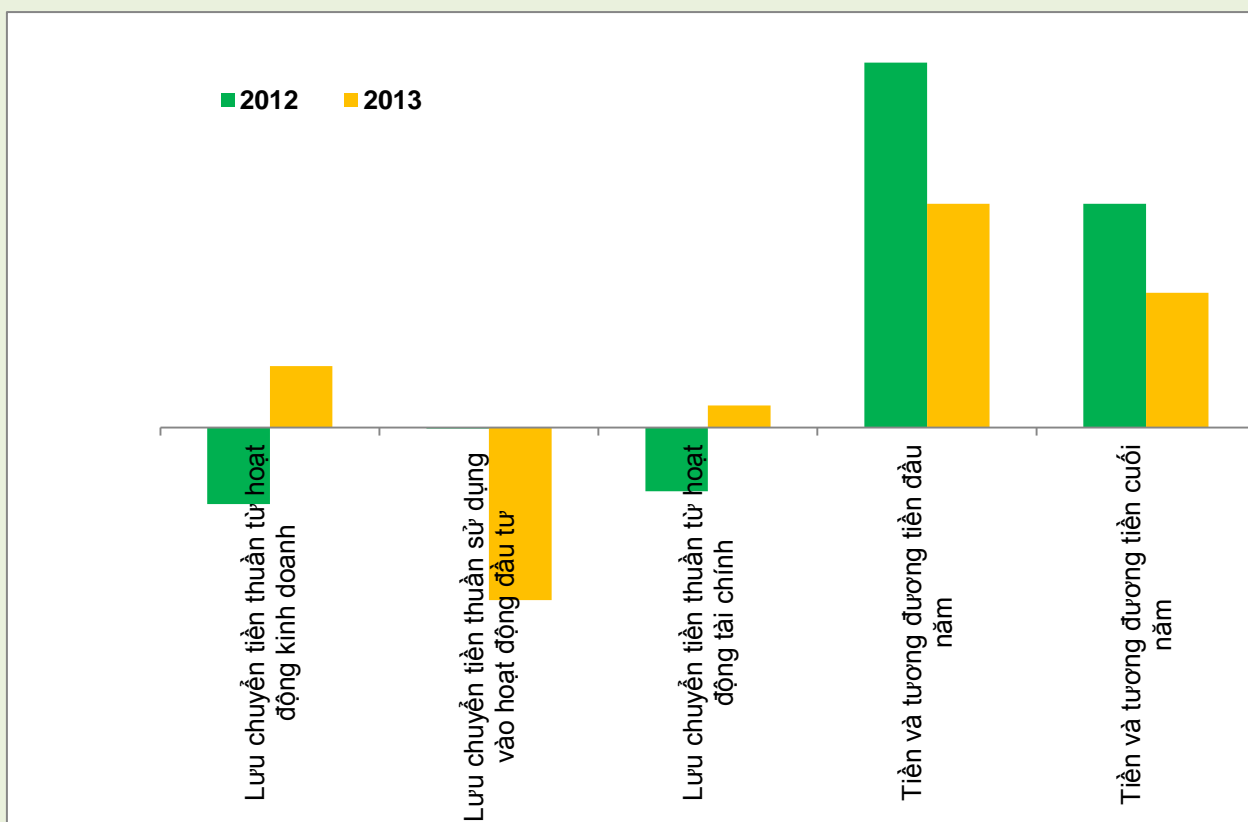
Một số chỉ tiêu phản ánh năng lực tài chính lành mạnh của Công ty trong năm 2013:

Giá trị vay nợ ngắn hạn tăng đột biến trong năm 2013 cùng với khó khăn trong hoạt động kinh doanh chính làm giảm kết quả lợi nhuận so với cùng kỳ là nguyên nhân chính cho sự giảm mạnh về khả năng thanh toán lãi vay so với năm 2012. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo tốt khả năng chi trả đối với các nghĩa vụ nợ trong năm.

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,31	2,20
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,03	1,01
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	79,27	18,5
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	58	55
Tổng nợ/tổng tài sản	%	37	36

Dòng tiền hoạt động

Trong khi dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính dương thì giá trị đầu tư trong năm 2013 đột biến với giá trị phát sinh trong năm gần 35 tỷ đồng là nguyên do chính dẫn đến số dư tiền cuối kỳ giảm khoảng 40% so với cùng kỳ:





CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC

Công tác chế biến:

- Tổng Khối lượng sấy-chế biến-đóng gói tăng 8,8% so với cùng kỳ.
- Khối lượng bắp trái nhập kho năm 2013 tăng 31% so với năm 2012,

Công tác bảo quản

Khối lượng và chất lượng hàng hóa tồn kho:

Đến kỳ 30/12/2013, Khối lượng hạt giống tồn kho trên toàn Công ty tương đương 76,9% so với cùng kỳ,.

Hoạt
động
SXKD

Tình hình
tài chính

Chế biến
Bảo quản

Nghiên
cứu và
phát triển

Trách
nhiệm xã
hội

Những cải
tiến trong
năm

Công nghệ sinh học

Nghiên cứu lúa thuần: Xử lý đột biến 38 giống; thực hiện 3 thí nghiệm khảo sát đánh giá tập đoàn lúa lai và lúa đột biến; lai tạo 150 cặp lai ngắn ngày, năng suất cao, chống chịu rầy nâu, đạo ôn, kháng mặn và gạo ngon.

Nghiên cứu lúa lai: Nhân dòng CMS mới đã thuần, tiếp tục hồi giao tạo dòng CMS mới để cải thiện tính trạng về chất lượng, chống chịu sâu bệnh, chịu mặn; sử dụng các dòng CMS, TGMS mới, các dòng R đã cải thiện tính trạng, rút dòng, lai được 1.120 tổ hợp mới đưa khảo sát ở các vùng sinh thái.

Nghiên cứu cây màu

Bắp vàng: Khảo sát và so sánh sơ khởi chọn SSC12180, 12223, 120816, 120366 và 12217 đưa vào thí nghiệm hậu kỳ. Khảo nghiệm các giống của Viện Ngô và T90 (Trung tâm KKNQG), xác định giống T90, CN13-5, CN13-7 có triển vọng.

Bắp nếp: Lọc thuần hạt tím dòng bố, mẹ MX10: con lai không xuất hiện hạt có màu tím. Lai tạo theo hướng dạng trái trụ, màu sắc đa dạng và chất lượng phù hợp, lai tạo được 228 THL để làm thí nghiệm khảo sát.

Nghiên cứu rau:

- ✓ Khảo sát 7 giống dưa hấu nhập nội, chọn được 1 giống Black Coralla, dạng trái tròn, vỏ xanh đen.
- ✓ Chọn 2 giống đậu bắp lai cho năng suất cao, chất lượng và sạch bệnh, trái màu xanh trung bình. Chọn được giống đậu xanh hạt vàng cho năng suất và chất lượng giá cao hơn các giống TQ phổ biến.
- ✓ Phục tráng 6 giống đậu đũa đang kinh doanh. Chọn được 20 cá thể giống đậu đũa C1.
- ✓ Lai khác loài mướp hương và mướp khía: các dòng lai tạo đều bị đắng.

Công tác khảo nghiệm – công nhận giống

- ✓ Lúa lai: Công nhận sản xuất thử giống NU' 209 ở miền Bắc.
- ✓ Lúa thuần: Công ty mua bản quyền giống VN121, OM 8017, DB18, BT9.
- ✓ Bắp: Công nhận sản xuất giống bắp vàng P2P, bắp nếp SSC828, CX247. Công ty mua bản quyền giống bắp vàng SK100.
- ✓ Rau: Dưa hấu trái dài 6093 (Ruby 39); Giống oval sọc lem DH10133.



Hoạt động SXKD

Tình hình tài chính

Chế biến Bảo quản

Nghiên cứu và phát

Trách nhiệm xã hội

Những cải tiến trong năm

Bên cạnh tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường, hài hòa lợi ích của Công ty và người lao động, minh bạch thông tin đối với Cổ đông và nhà đầu tư, trong năm qua, SSC, với tinh thần tương thân tương ái, sẻ chia...trong năm qua, đã có nhiều hoạt động quyên góp ủng hộ ý nghĩa: tặng nhà đại đoàn kết cho nông dân huyện Gò Dầu - Tây Ninh với số tiền 30 triệu đồng. Công ty thăm tết người nghèo tại xã Trung Lập Thượng - Củ Chi 4.000.000 đồng và ở Phước Thạnh Củ Chi 4.000.000 đồng; Ủng hộ đồng bào miền Trung bị bão lũ 39.800.469 đồng, nộp Công đoàn Khối Bộ NN & PTNT số tiền 15.745.712 đồng, các nơi khác số tiền 24.054.757 đồng; Ủng hộ chương trình đưa lưới điện quốc gia ra huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh, số tiền 30.000.000 đồng.

Hoạt
động
SXKD

Tình hình
tài chính

Chế biến
Bảo quản

Nghiên
cứu và
phát triển

**Trách
nhiệm xã
hội**

Những cải
tiến trong
năm

Cải tiến về chính sách tổ chức, quản lý: Bổ sung và hoàn thiện nội dung công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động quản lý

Cải tiến về chính sách nhân sự, lao động:

- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo quy định pháp luật lao động hiện hành.
- Ngoài ra, còn bổ sung các chính sách: Bảo hiểm Tai nạn con người; đồng phục, Bảo hộ lao động; chế độ ăn ca; duy trì trợ cấp nghỉ việc khi nghỉ hưu; thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ; tham quan nghỉ mát; đào tạo huấn luyện trong và ngoài nước; nâng lương, xét thưởng thi đua 2 kỳ/năm;

Cải tiến về chính sách thị trường, bán hàng: xúc tiến thương mại ở thị trường Lào và Campuchia.

Cải tiến về chính sách đối ngoại:

- Không ngừng đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các tổ chức uy tín quốc tế nhằm có cơ hội quảng bá hình ảnh, thâm nhập thị trường các nước trong khu vực.
- Xây dựng tốt hơn mối quan hệ với các cơ quan ban ngành ở địa phương cũng như cấp quốc gia nhằm có được những hỗ trợ thiết thực trong quá trình hoạt động.



Hoạt
động
SXKD

Tình hình
tài chính

Sản xuất
Chế biến
Bảo quản

Nghiên
cứu và
phát triển

Trách
nhiệm xã
hội

**Những cải
tiến trong
năm**

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

710 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN

95 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG



KẾ HOẠCH CỤ THỂ

I

Kinh doanh – Tiếp thị

- Phân tích đánh giá thị trường, từng bước hoàn chỉnh phương pháp xây dựng kế hoạch tiếp thị và bán hàng chuyên nghiệp cho nhân viên kinh doanh (tập trung các nhóm sản phẩm chính: bắp, lúa, hạt rau), tiếp tục duy trì mức tăng trưởng thị trường Lào, Campuchia và phát triển thị trường mới Myanmar.
- Chấn chỉnh công tác bán hàng các nhóm sản phẩm như: lúa, hạt rau và vật tư nông nghiệp. Trung tâm Rau Hoa cần củng cố nhân lực để đẩy mạnh công tác trình diễn hội thảo để tạo nhu cầu bán hàng; xây dựng hệ thống đại lý bán hàng cho từng sản phẩm phù hợp.
- Tổ chức công tác tiếp thị và bán hàng Dekalb một cách chuyên nghiệp và tận dụng các cơ hội đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên kinh doanh.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng và cải tiến các hoạt động trình diễn, hội thảo; duy trì và nâng cao chất lượng tổ chức và kỹ năng tư vấn bán hàng.
- Củng cố hệ thống đại lý, kiểm soát tốt kế hoạch thu nợ theo chính sách bán hàng. Ban hành và áp dụng hạn mức tín dụng khách hàng.
- Tập trung tiếp thị nhóm sản phẩm mới có tiềm năng: SK100, Nam Ưu 209, CX247, VN121, ĐB18, Bắc thơm 9. Tổ chức bộ phận tiếp thị và xây dựng quy trình phát triển sản phẩm đối với sản phẩm triển vọng.

2 Nghiên cứu & Phát triển

- Chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động nghiên cứu theo mô hình dự án. Thúc đẩy tiến độ thực hiện của các dự án, đề tài và công nhận giống.
- Tập trung triển khai công tác nghiên cứu lúa lai chương trình KC06.11-15 đúng tiến độ và tận dụng kết quả của chương trình để phát triển bộ giống lúa lai của SSC.
- Tăng cường công tác chọn tạo, khảo nghiệm và phóng thích sản phẩm nhằm duy trì và phát triển chủng loại giống chủ lực công ty. Phần đầu trong năm 2014 có giống bắp nếp, lúa lai, lúa thuần tốt phù hợp với các tỉnh miền Bắc và miền Trung và ít nhất 3-4 sản phẩm hạt rau mới.
- Tổ chức lại công tác sản xuất giống bố mẹ, ưu tiên tập trung bố trí trong diện tích đất nội bộ, đảm bảo chất lượng, đầy đủ số lượng và phục vụ kịp thời cho sản xuất. Bố trí san phẳng đồng ruộng nghiên cứu, lọc dòng và nhân giống gốc tại Cờ Đỏ.

3 Sản xuất

- Triển khai các mô hình cánh đồng liên kết để mở rộng và quy hoạch vùng sản xuất phù hợp với thời vụ, tập quán, cơ cấu giống địa phương để cân đối với nhân lực và công suất của thiết bị.
- Cải tiến công tác giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị trực thuộc chủ động bố trí bảo đảm các tiêu chí: đúng, đủ, kịp thời, chất lượng, giá thành hợp lý.
- Quy hoạch địa bàn sản xuất bắp ổn định trong vụ Đông Xuân sớm, lúa vụ Thu Đông, lúa lai vụ Mùa để bảo đảm cung cấp kịp thời nhu cầu kinh doanh. Củng cố vùng nguyên liệu đậu tương vụ Xuân Hè & Hè Thu cung cấp cho miền Bắc và ĐBSCL.
- Giải quyết triệt để vấn đề chất lượng: lúa cỏ/đỏ, hạt khác, duy trì tỷ lệ nảy mầm hạt giống lúa tối thiểu 12 tháng.

4 Chế biến bảo quản

- Chấn chỉnh công tác chế biến bảo quản của các đơn vị nhằm bảo đảm duy trì chất lượng, cung ứng kịp thời đầy đủ theo yêu cầu kinh doanh. Tăng cường giám sát công tác chế biến bảo quản để loại bỏ hoàn toàn sản phẩm không phù hợp trước khi xuất bán.
- Giám sát và phân loại chất lượng trong khâu thu hoạch để chủ động bố trí chế biến. Theo dõi diễn biến chất lượng các lô hạt giống và kịp thời đề xuất giải pháp xử lý nhằm hạn chế tổn thất.
- Đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống đóng gói tự động cho nhóm sản phẩm phù hợp.
- Tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm trong vấn đề xử lý mọt, công nghệ xử lý hạt giống để làm gia tăng sức sống của hạt giống trong bảo quản và sử dụng ngoài đồng.

5 Quản lý chất lượng

- Chú trọng kiểm soát chất lượng giống bố mẹ, siêu nguyên chủng và phối hợp cung cấp thông tin chất lượng sản phẩm kịp thời cho các đơn vị nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh. Hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra và giám sát chất lượng hàng hóa gửi khách hàng.
- Thiết lập hệ thống dữ liệu kiểm nghiệm tập trung theo hướng ứng dụng tin học và tạo lập cơ chế cho các đơn vị liên quan truy xuất thông tin về chất lượng sản phẩm.
- Đánh giá thiết bị kiểm nghiệm để đề xuất trang bị phù hợp để kiểm soát hạt khác giống ...
- Tăng cường giám sát và kiểm soát tình hình kiểm định và kiểm nghiệm tại các đơn vị trực thuộc, bảo đảm kiểm soát theo quá trình và sản phẩm trước khi xuất bán. Cần có cơ chế cảnh báo kịp thời nếu có sự không phù hợp về chất lượng sản phẩm.

6

ISO

- Tăng cường công tác quản lý ISO chuyên trách, tập trung xử lý và bổ sung hệ thống báo cáo phù hợp với hoạt động nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh, tăng cường giám sát tuân thủ của các đơn vị.
- Triển khai công tác ISO đối với hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các Chi nhánh mới thành lập.
- Nghiên cứu ứng dụng giải pháp phần mềm tin học trong công tác quản lý ISO.

7

Đầu tư

- Triển khai xây dựng nhà máy chế biến Trà Vinh (tại khu công nghiệp Long Đức) để tăng cường công suất sấy, chế biến.
- Phối hợp với Ban Tiếp quản EW, Trung tâm Rau Hoa quy hoạch lập dự án khai thác sử dụng cơ sở tài sản mua của Công ty liên doanh hạt giống Đông Tây để hoàn tất thủ tục. Tiếp tục hoàn tất các thủ tục đăng ký sở hữu công trình nhà máy chế biến hạt giống miền Trung và Nhà máy CVF.

8

Tài chính – kế toán

- Xây dựng các kế hoạch sử dụng nguồn vốn hàng tuần/quý để bảo đảm sử dụng vốn tín dụng hiệu quả. Bảo đảm cung cấp đủ nguồn vốn thanh toán thu mua sản phẩm.
- Tiếp tục làm việc với cơ quan Thuế để xác định thời hạn ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp KHCN.
- Xây dựng chính sách quản lý nợ, tăng cường công tác kiểm soát nợ của khách hàng. Kiểm soát việc thực hiện chính sách bán hàng của các đơn vị bảo đảm đúng quy định.
- Tăng cường kiểm tra tài chính, kiểm toán nội bộ trong toàn công ty và các công ty con;
- Cải tiến công tác kế toán quản trị, tổ chức cơ sở dữ liệu phù hợp nhằm cung cấp thông tin chính xác và kịp thời. Đề xuất các giải pháp quản lý để kiểm soát được các khoản chi phí hoạt động.

9

Nhân sự - hành chính

- Bổ sung nhân sự cho Dự án tái cấu trúc mới. Tiếp tục cải tiến và điều chỉnh việc trả lương phù hợp với đặc thù của từng nhóm công việc.
- Chấn chỉnh công tác quản lý điều hành, rà soát đánh giá hiệu quả công tác lãnh đạo của các đơn vị/bộ phận. Tăng cường đào tạo kiến thức quản trị cho cán bộ quản lý từ cấp trung. Xây dựng quy trình quy hoạch cán bộ và quy định điều động cán bộ quản lý.
- Cải tiến công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị để sử dụng nhân lực theo hướng tinh gọn để nâng cao chất lượng và thu nhập.
- Hoàn chỉnh chính sách, chế độ nhân sự. Xây dựng các phương án khoán, thưởng đáp ứng nhu cầu SXKD; tăng cường chất lượng công tác quản trị hành chính – nhân sự của hội sở và các đơn vị trực thuộc.
- Tăng cường hướng dẫn thủ tục pháp chế và hệ thống văn bản toàn công ty.
- Hoàn thành việc đăng ký thành lập Trung tâm Giống Rau Hoa (CVF) trong quý I/2014 để nhanh chóng chính thức hoạt động.
- Phối hợp với các đơn vị tổ chức hội nghị trao tặng "Huân chương độc lập hạng 3" cho SSC trong tháng 4/2014 và lễ ra mắt chính thức CVF sau khi nhận chính thức cơ sở Phạm Văn Cội.

10

Kiểm soát nội bộ

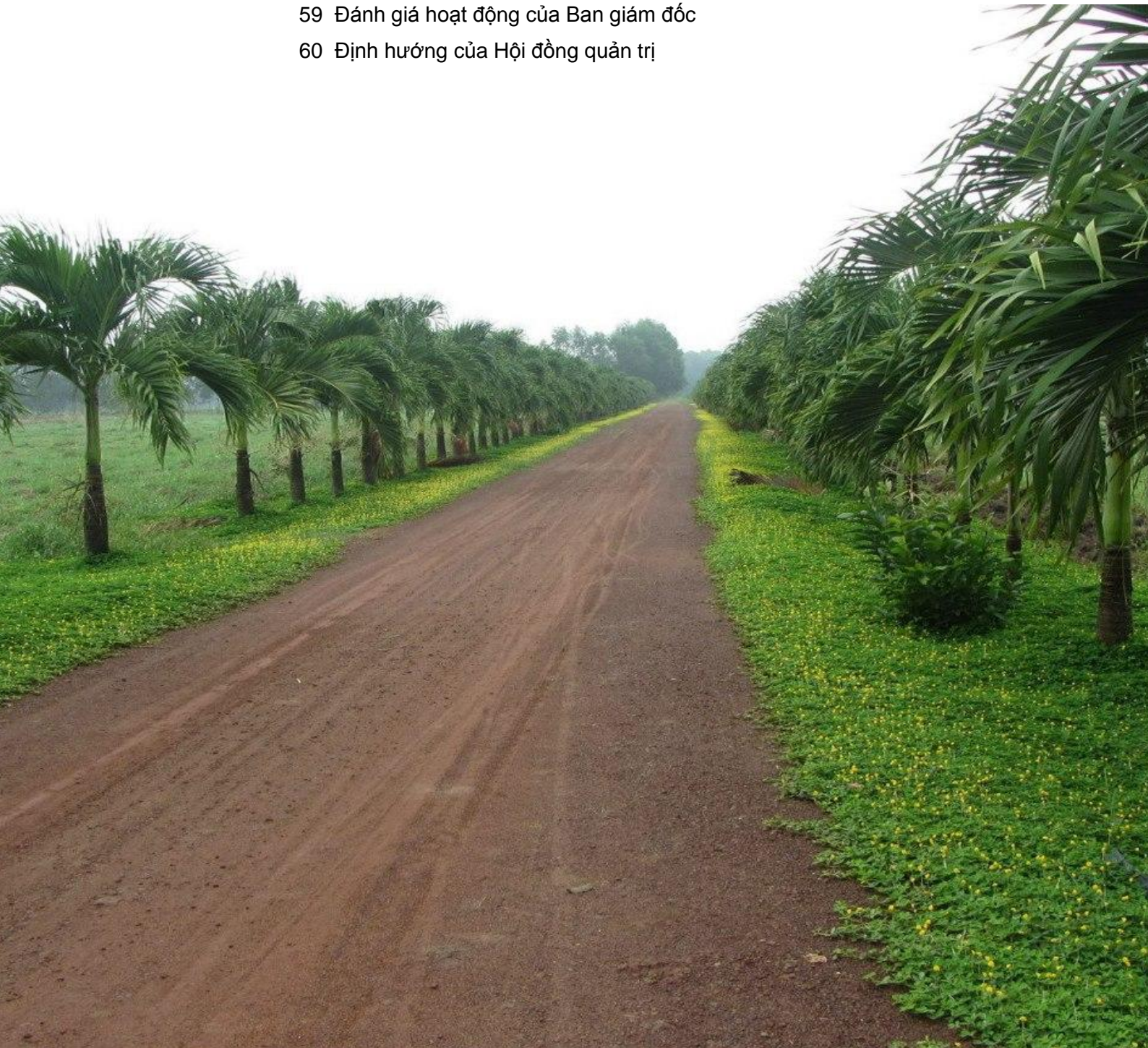
- Rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành.
- Bổ sung nhân lực kiểm soát nội bộ, thiết lập các kênh và hệ thống thu thập thông tin từ cơ sở và chủ động phối hợp với các đơn vị/bộ phận để tăng cường công tác giám sát, kiểm tra công tác quản lý điều hành.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong kiểm soát chất lượng giống từ sản xuất ngoài đồng và trong chế biến bảo quản.

Bác ứu 903 KBL



PHẦN IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

- 57 HĐQT Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 59 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 60 Định hướng của Hội đồng quản trị



**SK 100**

HQQT ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Kết quả thực hiện kế hoạch

Kết quả thực hiện kế hoạch đã đề ra, nhận xét đánh giá

Trong năm 2013 Công ty đạt một số thành quả và tiến bộ trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên, do bị tác động bởi những khó khăn của nền kinh tế, thị trường giống, biến đổi thời tiết khí hậu và một số nguyên nhân do chủ quan (kể cả những tồn tại chất lượng của hàng sản xuất trong năm 2012), nên kết quả thực hiện năm 2013 không đạt mức kỳ vọng:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012 (Tr.đ)	Thực hiện 2013 (Tr.đ)	Kế hoạch 2013 (Tr.đ)	So sánh thực hiện 2013/2012	So sánh với Kế Hoạch 2013
Doanh thu thuần	459.169	603.081	742.173	31%	81%
Lợi nhuận trước thuế	80.255	77.337	97.134	-4%	80%
Lợi nhuận sau thuế	67.807	76.999	91.068	14%	85%

Kết quả hoạt động cho thấy SSC vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng chung so với các năm trước với tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt 31%, cao hơn mức tăng trưởng năm 2012 (19%). Tuy nhiên, do sự tăng thêm của doanh thu không đủ bù đắp sự tăng thêm của các chi phí hoạt động nên lợi nhuận trước thuế của Công ty có sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ và không đạt mức kế hoạch đề ra.

Những mặt được

- ☑ **Kết quả kinh doanh chung:** duy trì sự tăng trưởng so với cùng kỳ
- ☑ **Tình hình tài chính, đầu tư:** SSC đã đầu tư xây dựng cơ bản với tổng giá trị đầu tư 44,5 tỷ đồng, đạt 82,7% kế hoạch
- ☑ **Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:** tiếp tục đạt nhiều thành quả trong (i) *công tác nghiên cứu công nghệ sinh học* như tìm ra phương pháp thanh lọc kháng bệnh lá lúa, hoàn thiện quy trình định danh virus trên cây rau, tăng khả năng tạo phôi lưỡng bội vật liệu bắp; nuôi cấy túi phấn lúa thuần và lúa lai, tạo được một dòng dưa hấu tứ bội, Hoàn thành qui trình xác định gen thơm và gen kháng bạc lá lúa...(ii) *Nghiên cứu lúa:* Thực hiện 3 thí nghiệm khảo sát đánh giá tập đoàn lúa lai và lúa đột biến, lai tạo 150 cặp lai ngắn ngày...(iii) *Nghiên cứu cây màu:* xác định giống có triển vọng, vv...(iv) *Đã chọn tạo và công nhận nhiều giống mới phù hợp với thị trường.*



Những mặt còn hạn chế

- ☒ **Về thực hiện kế hoạch:** chưa hoàn thành kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận trước thuế; và chỉ tiêu đầu tư:
 - + Doanh thu chỉ đạt 81% kế hoạch;
 - + Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 80% kế hoạch;
 - + Đầu tư xây dựng cơ bản chỉ đạt 83% kế hoạch.
- ☒ **Tổ chức sản xuất:**
 - + Chưa có cơ chế giao khoán cũng như chính sách khen thưởng phù hợp để khuyến khích tăng năng suất lao động;
 - + Hoạt động giám sát đối với các đơn vị sản xuất, chế biến bảo quản...chưa thực sự chặt chẽ.
- ☒ **Nhân sự - lao động:**
 - + Tình trạng biến động nhân sự vẫn cao, đặc biệt là đối với nhân sự quản lý cấp trung;
 - + Năng suất lao động chưa tương xứng với tiềm năng, tác phong lao động chưa chuyên nghiệp.

**SK 100**

HDQT ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam là những người có trình độ chuyên môn cao, tinh thần trách nhiệm, tầm nhìn sâu rộng và có kỹ năng quản lý điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã cùng với Hội đồng quản trị dẫn dắt SSC có được những thành công đáng kể như: Huân chương Độc lập Hạng III; Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất; Top 10 Công ty Việt Nam có vốn dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á; Sao Vàng đất Việt; Thương hiệu mạnh năm 2013; Thương hiệu Việt uy tín.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện rõ bản lĩnh và cái tâm, cái tài trong công việc. Công ty đã vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ được giao. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên 2013 thông qua; kịp thời báo cáo thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị để đưa ra một số giải pháp, quyết sách phù hợp và kịp thời đối phó với khó khăn, thách thức. Dù cho kết quả kinh doanh chưa đạt được kỳ vọng như kế hoạch đã đề ra: Doanh thu thuần chỉ đạt 81% so với kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế đạt 80% so với kỳ vọng đầu năm, nhưng đã có tăng trưởng so với cùng kỳ. Thành quả đạt được cũng thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của Ban Lãnh đạo Công ty nói riêng và tập thể Cán bộ, nhân viên nói chung.

“

Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới...”

”

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN...

- **Tiến hành công tác tái cấu trúc cơ cấu tổ chức và xây dựng nguồn nhân lực** phù hợp, tập trung vào các mảng hoạt động hiện đang còn bất cập như marketing, logistic, Sản xuất - chế biến bảo quản và đào tạo... Hoàn thiện và tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo để nâng cao chất lượng nhân lực; xây dựng phương án khoán, thưởng một số đơn vị/ bộ phận bao gồm nghiên cứu (khen thưởng đối với tác giả chọn tạo hoặc đánh giá đề xuất chọn giống có triển vọng kinh doanh), kinh doanh (khoán lương, công tác phí), sản xuất- chế biến bảo quản (sản phẩm có chất lượng vượt tiêu chuẩn và duy trì trong thời gian tối thiểu).
- **Đẩy mạnh hoạt động khảo nghiệm đánh giá và chọn giống**; thúc đẩy tiến độ phóng thích và công nhận giống; củng cố công tác phát triển sản phẩm mới, trong đó chú ý sản phẩm chủ lực có năng lực cạnh tranh. Hoàn thiện quy trình phát triển sản phẩm triển vọng, tăng cường phối hợp giữa bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
- **Tăng cường công tác marketing; công tác phát triển sản phẩm mới**, cải tiến công tác trình diễn hội thảo; chuyên môn hóa hoạt động quảng bá sản phẩm & thương hiệu. Xây dựng bộ phận phát triển theo nhóm sản phẩm trong các đơn vị kinh doanh; củng cố quan hệ đại lý, đẩy mạnh công tác bán hàng đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của công ty; chuyên nghiệp hoạt động phân phối các sản phẩm độc quyền, đặc biệt quan tâm đến việc phát triển thị trường các tỉnh miền Bắc, Lào và Campuchia.
- **Tập trung công tác quy hoạch vùng sản xuất phù hợp với nguồn lực và nhu cầu kinh doanh** nhằm bảo đảm đủ số lượng và chất lượng. Tăng cường quản lý và giám sát chất lượng sản phẩm; củng cố uy tín thương hiệu dựa trên chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- **Đầu tư và cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất** phù hợp nhu cầu sản xuất kinh doanh bảo đảm đúng mục tiêu và có hiệu quả. Những công trình có vốn đầu tư lớn cần phải phân kỳ hợp lý.
- **Tăng cường công tác quản lý tài chính và công tác quản lý điều hành** ở các cấp bảo đảm thực hiện đúng quy định.



PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

62 Hội đồng quản trị

67 Ban Kiểm soát

70 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Hàng Phi Quang	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	44.587	0,29%
2	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch không điều hành	0	0%
3	Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên kiêm Giám đốc Tài chính	4.129	0,02%
4	Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên không điều hành	0	0%
5	Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên kiêm Giám đốc Chi nhánh	2.456	0,01%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu Ban Chính sách Phát triển

Ông Nguyễn Quốc Vọng

Ủy viên. HĐQT - Trưởng Tiểu ban

Ông Hàng Phi Quang

Chủ tịch HĐQT - Thành viên

Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ

Ông Quốc Hồ Đình Tuấn

Ủy viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên

Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng Tiểu ban

Ông Nguyễn Tiến Hiệp

Ủy viên HĐQT - Thành viên

Hoạt động của HĐQT trong năm

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Năm 2013 đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ, để ban hành nghị quyết nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị hoạt động thảo luận việc điều chỉnh chiến lược công ty giai đoạn còn lại của nhiệm kỳ 2010-2014, đề ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả, thực sự là cơ quan quản lý công ty, thực hiện tốt chức năng giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện.

Trong năm SSC đã tổ chức 5 Cuộc họp HĐQT và ban hành 10 Nghị quyết HĐQT với nội dung tóm tắt như sau :

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	14/3/2013	Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc Kinh doanh
2	02/NQ-HĐQT	28/3/2013	Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012 của SSC
			Thông qua các giải pháp tăng cường nguồn nhân lực, tái cơ cấu tổ chức Công ty.
			Thảo luận thành lập Công ty con kinh doanh hạt giống rau
			Thông qua kế hoạch SXKD- Tài chính, Đầu tư XDCB năm 2013 của SSC
			Phê chuẩn việc bổ nhiệm Quyền Giám đốc Kinh doanh theo tờ trình của Tổng Giám đốc
			Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2/2012
			Thông qua việc đề cử nhân sự HĐQT và BKS của Bắc Nghệ An tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2013-2015, tổ chức ngày 30/3/2013
			Thông qua tiến độ thực hiện phương án xử lý Công ty SSE
			Thảo luận công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2012 (ngày 26/4/2013)
3	03/NQ-HĐQT	28/3/2013	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013
4	04/NQ-HĐQT	18/5/2013	Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm 2013 của SSC
			Xem xét đề xuất của Hội đồng cố vấn về việc thành lập Công ty rau
			Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2013 do Ban Kiểm soát đề xuất
			Báo cáo tình hình thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp khoa học công nghệ
			Báo cáo việc Tiếp cận quỹ VBCF (Quỹ Thách thức doanh nghiệp Việt Nam) của Anh Quốc
			Thông qua hạn mức tín dụng : Ngân hàng Công thương Việt

			<p>Nam (VietinBank), Ngân hàng Standard Chartered và các ngân hàng có lãi suất thấp</p> <p>Báo cáo chuyển công tác khảo sát thị trường Campuchia của HĐQT</p> <p>Xem xét mua cơ sở vật chất của Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Thụy để làm Trại nghiên cứu giống tại Thái Bình</p> <p>Đề xuất các phương án nhân sự của SSC:</p>
5	05/NQ-HĐQT	30/8/2013	<p>Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2013 của SSC</p> <p>Thông qua điều chỉnh quy hoạch địa điểm đầu tư Nhà máy chế biến hạt giống Trà Vinh</p> <p>Thông qua nội dung Hợp đồng liên doanh & Điều lệ Công ty liên doanh SSC-DaeWon & nội dung liên quan</p> <p>Thành lập Văn phòng Đại diện Lào và bổ nhiệm Trưởng Văn phòng Đại diện Lào</p> <p>Thông qua việc thành lập Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh</p>
6	06/NQ-HĐQT	30/8/2013	Miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị quản lý
7	07/NQ-HĐQT	30/8/2013	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2012
8	08/NQ-HĐQT	16/12/2013	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2013
9	09/NQ-HĐQT	16/12/2013	<p>Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 11 tháng đầu năm 2013 của SSC,</p> <p>Thông qua việc điều chỉnh quy hoạch địa điểm đầu tư nhà máy chế biến hạt giống Trà Vinh</p> <p>Đánh giá hoạt động của Hội đồng cố vấn (HĐCV) và gia hạn hợp đồng chuyên gia</p>
10	10/NQ-HĐQT	16/12/2013	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có
 (Do đã có quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Vọng là thành viên độc lập làm Giám đốc Trung tâm Giống Rau Hoa kể từ tháng 10/2013)

Hoạt động của các tiểu ban

Tiểu ban chính sách phát triển

- ◆ Thảo luận và đề xuất các ý kiến, các nội dung liên quan đến Kế hoạch SXKD, Đầu tư, tài chính, mua sắm thiết bị năm 2013;
- ◆ Thảo luận về kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An, thủ tục giải thể/phá sản Công ty cổ phần Cơ khí;
- ◆ Thảo luận việc mua tài sản thanh lý của Công ty cổ phần Bông vải miền Trung, Công ty liên doanh Hạt giống Đông Tây;
- ◆ Khảo sát đánh giá thị trường Campuchia, định hướng chiến lược phát triển;
- ◆ Tiếp cận quỹ VBCF (Quỹ Thách thức doanh nghiệp Việt Nam) của Anh Quốc;
- ◆ Xúc tiến thành lập Ban Trù bị để chuẩn bị các điều kiện thành lập Công ty con Kinh doanh hạt giống Rau;
- ◆ Thảo luận mua cơ sở nghiên cứu giống của Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Thụy;
- ◆ Thảo luận việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp khoa học công nghệ;
- ◆ Thảo luận điều chỉnh Dự án Đầu tư Nhà máy Chế biến hạt giống Trà Vinh;
- ◆ Thảo luận thành lập Chi nhánh Trung tâm Giống Rau Hoa-SSC;
- ◆ Thảo luận thành lập Văn phòng Đại diện Lào;
- ◆ Thảo luận việc mua bản quyền một số giống mới phục vụ cho kinh doanh;

Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ

- ◆ Thảo luận lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013;
 - ◆ Đánh giá hạn mức vay tín dụng với các ngân hàng: Nông nghiệp, VietinBank, HSBC, SinhanBank; VPBank, ANZ.

- ◆ Thảo luận chính sách, hạn mức tín dụng đối với các đại lý của SSC;
- ◆ Thảo luận kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2/2012 & kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1/2013.

Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng :

- ◆ Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2013;
- ◆ Thảo luận về bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự cấp trung của SSC: Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Giống Rau hoa, Giám đốc Quản lý Chất lượng; Giám đốc Nhân sự Hành chính, Giám đốc Chi nhánh Trại Lâm Hà; Trưởng Văn phòng Đại diện Lào;
- ◆ Đề cử thay đổi người đại diện phần vốn của SSC tại Công ty cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An;
- ◆ Thảo luận việc đề xuất ĐHCĐ bầu thay thế thành viên BKS (Ủy viên Lê Quang Hồng bị điều chỉnh bởi Thông tư 121/2012/TT-BCT, ngày 26/7/2012);
- ◆ Thảo luận việc điều chỉnh thu nhập cho CBNV làm việc tại Chi nhánh Campuchia;
- ◆ Thảo luận Dự án tái cấu trúc cơ cấu tổ chức, đánh giá nhân sự quản lý của Công ty;
- ◆ Xây dựng việc thay đổi Điều lệ Công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, ngày 27/06/2012, xây dựng Quy chế quản trị Công ty;
- ◆ Thảo luận hoạt động và nhân sự của Hội đồng cố vấn;
- ◆ Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2014.

Bác ứu 903 KBL



Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo

Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ	Ngày cấp
Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Công ty số 62/QTCT	19/09/2013
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Công ty số 77/QTCT	19/09/2013
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Ủy viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Quản trị Công ty và cơ chế kiểm soát số 05525/2012/PACE-CC do PACE & IFC cấp	23/5/2012
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Ủy viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo Quản trị Công ty	2012



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban kiểm soát



Danh sách thành viên BKS:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hoàng Công	Trưởng BKS	5.616	0,03%
2	Nguyễn Đức Minh	Thành viên	0	0%
3	Chu Thị Phương Anh	Thành viên	0	0%

Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức 5 cuộc họp:

STT	Ngày họp	Nội dung
1	15/3/2013	Kế hoạch soát xét báo cáo tài chính năm 2012, phân công nhiệm vụ kiểm soát báo cáo quyết toán, viết tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2012
2	15/5/2013	Phân công nhiệm vụ thành viên BKS sau ĐHĐCĐ thường niên 2012, kế hoạch công tác năm 2013
3	15/7/ 2013	Kế hoạch triển khai đối với chi nhánh Hà Nội, kiểm soát nhà máy chế biến hạt giống Hà Nội.
4	15/ 9/ 2013	Kế hoạch kiểm soát báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013
05	15/10/2013	Phân công nhiệm vụ kiểm soát Trung tâm nghiên cứu giống Tân Hiệp, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.

Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Năm 2013, trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, ngành Nông nghiệp đã có nhiều nỗ lực triển khai thực các dự án, kế hoạch, duy trì tăng trưởng, đẩy mạnh xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành đạt 2,67%, tương đương mức tăng của năm 2012 (2,68%), trong đó trồng trọt tăng 2,6%. Về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Doanh thu của Công ty đạt 603.081 triệu đồng, tương đương 81% theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và tăng 31% so với năm 2012.
- Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt được trong năm 2013 là: 77.337 triệu đồng, đạt 83% theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và giảm 4% so với lợi nhuận đạt được năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 76.999 triệu đồng, tương đương 110% so với kế hoạch đã đề ra, tăng 14% so với cùng kỳ.
- Tổng tài sản đạt giá trị 468.094 triệu đồng, tăng 10,4% so với năm 2012. Trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 78%, tài sản dài hạn chiếm 22% tỷ trọng.

Kết quả giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc...

- ◆ Ban kiểm soát ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban TGD cũng như các bộ phận quản lý của Công ty. HĐQT và Ban TGD hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình lãnh đạo, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ đề ra.
- ◆ Trong năm có nhiều biến động về thị trường do biến động của nền kinh tế nói chung, ảnh hưởng đến công ăn việc làm của người lao động; nhưng HĐQT và Ban điều hành đã có những chính sách linh hoạt trong quản trị và điều hành, đảm bảo người lao động an tâm về tinh thần và ổn định về thu nhập
- ◆ HĐQT và Ban TGD đã có định hướng phát triển kinh doanh đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm cao để từ đó đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, người lao động và mang lại lợi ích cho khách hàng.
- ◆ HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời BKS tham gia trong các cuộc họp triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty; giải quyết những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông và chế độ chính sách đối với người lao động.
- ◆ Thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.
- ◆ BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

- Trong năm 2013, BKS được HĐQT và Ban TGD tạo điều kiện trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;
- BKS được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của BKS;
- Ban TGD đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp thông tin trong quá trình BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại SSC;
- BKS, HĐQT và Ban TGD phối hợp chặt chẽ để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm tra kiểm soát của BKS.
- HĐQT và Ban TGD tiếp thu những kiến nghị của BKS tại các báo cáo Quý, 6 tháng và cả năm.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức vụ	Hệ số T01-04	Hệ số T05-07	Thời gian làm việc (tháng)	Thực chi trong 2013 (1.000đ)
Hàng Phi Quang	Chủ Tịch HĐQT	2,00	2,00	12	152.400
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ Tịch HĐQT/TTB	1,40	1,40	08	106.800
Nguyễn Quốc Vọng	UVHĐQT/TTB	1,20	1,20	12	92.400
Nguyễn Tiến Hiệp	UV.HĐQT	1,00	1,00	12	76.800
Quốc Hồ Đình Tuấn	UVHĐQT/TTB	1,20	1,20	12	92.400
Nguyễn Hoàng Công	TBKS	0,90	0,90	12	68.400
Lê Quang Hồng	UVBKS	0,70	-	04	18.000
Nguyễn Đức Minh	UVBKS	0,70	0,70	12	54.000
Chu Thị Phương Anh	UVBKS	-	0,70	08	36.000
Tổng cộng		9,10	9,10		697.200

**SK 100**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn trong năm (tính đến 31/12/2013)

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ	
		Số lượng cổ phần	% Vốn điều lệ	Số lượng cổ phần	% Vốn điều lệ
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông lớn	703.350	4,7%	1.838.970	12,28%
Nguyễn Hoàng Tuấn	P.TGD	130.248	0,88%	50.818	0,34%
Hàng Phi Quang	TGD	94.587	0,63%	44.587	0,29%

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



Bác ứu 903 KBL



PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013





SK 100

**Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng
Miền Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

**SK 100**

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ("CNDKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNDKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư (0302634683)	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ năm (0302634683)	Ngày 6 tháng 9 năm 2011

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung và tại Campuchia.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Công	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Quang Hồng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hàng Phi Quang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Nhóm Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 61000411/16363943 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 7 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
0048-2013-004-1



Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2014



SK 100

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		363.176.779.993	352.854.260.107
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	25.952.131.178	43.083.964.747
111	1. Tiền		19.940.464.478	26.872.271.347
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.011.666.700	16.211.693.400
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		365.000.000	415.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		365.000.000	415.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		129.324.140.290	100.388.748.148
131	1. Phải thu khách hàng		109.957.049.880	81.094.060.626
132	2. Trả trước cho người bán		16.030.777.305	16.012.087.596
135	3. Các khoản phải thu khác	5	4.922.880.531	4.254.194.187
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.586.567.426)	(971.594.261)
140	IV. Hàng tồn kho	6	195.714.196.848	195.713.847.104
141	1. Hàng tồn kho		196.672.321.399	196.845.863.967
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(958.124.551)	(1.132.016.863)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.821.311.677	13.252.700.108
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.939.371.703	968.676.758
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.315.043.392	616.892.470
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		37.973.705	730.797.257
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		5.528.922.877	10.936.333.623
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		104.916.958.591	71.162.721.847
220	I. Tài sản cố định		96.762.552.820	68.371.942.333
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	59.266.605.344	30.602.965.321
222	Nguyên giá		104.149.242.009	71.993.004.058
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(44.882.636.665)	(41.390.038.737)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	37.477.402.021	37.755.713.376
228	Nguyên giá		40.938.999.233	40.924.453.793
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(3.461.597.212)	(3.168.740.417)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		18.545.455	13.263.636
260	II. Tài sản dài hạn khác		7.050.243.299	1.502.589.963
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.235.105.354	1.118.014.381
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20.3	1.815.137.945	255.935.582
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	128.640.000
269	III. Lợi thế thương mại	10	1.104.162.472	1.288.189.551
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		468.093.738.584	424.016.981.954

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		166.647.213.556	155.251.033.463
310	I. Nợ ngắn hạn		165.206.127.345	152.947.441.044
311	1. Vay ngắn hạn	11	32.251.298.140	12.526.000.000
312	2. Phải trả người bán		69.219.199.992	97.992.933.899
313	3. Người mua trả tiền trước		1.566.304.933	1.414.815.236
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.018.753.177	4.367.761.845
315	5. Phải trả người lao động		2.483.080.874	9.765.868.589
316	6. Chi phí phải trả	13	7.470.407.549	1.163.511.434
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	43.431.287.795	20.478.892.360
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.765.794.885	5.237.657.681
330	II. Nợ dài hạn		1.441.086.211	2.303.592.419
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.122.829.265	904.442.733
334	2. Vay dài hạn	15	-	520.892.740
339	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		318.256.946	878.256.946
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	300.442.526.784	267.716.176.241
410	I. Vốn chủ sở hữu		300.442.526.784	267.716.176.241
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.035.794.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(332.671.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		69.635.542.187	58.025.771.881
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		14.986.770.145	15.976.217.258
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.193.421.680	36.087.394.330
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.003.998.244	1.049.772.250
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		468.093.738.584	424.016.981.954

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	388.967.532	316.726.772
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	84.874	4.583
- Euro (EUR)	250	702


Lê Quang Hồng
Người lập


Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng


Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

**SK 100****Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	654.847.039.170	492.693.334.868
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(51.766.129.488)	(33.524.494.544)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	603.080.909.682	459.168.840.324
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(442.347.883.143)	(310.379.214.425)
20	5. Lợi nhuận gộp		160.733.026.539	148.789.625.899
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.593.332.819	3.117.641.893
22	7. Chi phí tài chính	18	(6.337.210.343)	(1.017.542.676)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(4.420.001.086)	(1.025.406.149)
24	8. Chi phí bán hàng	19	(44.738.610.695)	(37.132.873.505)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(35.211.350.206)	(33.777.414.324)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.039.188.114	79.979.437.287
31	11. Thu nhập khác		731.714.869	481.432.109
32	12. Chi phí khác		(434.346.506)	(205.684.128)
40	13. Lợi nhuận khác		297.368.363	275.747.981
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		77.336.556.477	80.255.185.268
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.2	(1.895.917.306)	(12.463.536.880)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	20.3	1.559.202.363	15.769.943
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		76.999.841.534	67.807.418.531
61	Trong đó:			
62	Phần thuộc các cổ đông thiểu số		(45.774.006)	(343.284.319)
62	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		77.045.615.540	68.150.702.850
70	18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	22	5.150	4.577

Lê Quang Hồng
Người lậpLê Tôn Hùng
Kế toán trưởngHàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		77.336.556.477	80.255.185.268
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	7, 8, 10	6.725.436.760	7.208.282.335
03	Các khoản dự phòng		441.080.853	(1.798.708.583)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		468.511.502	158.315.965
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.711.592.059)	(3.081.629.312)
06	Chi phí lãi vay	18	4.420.001.086	1.025.406.149
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87.679.994.619	83.766.851.822
09	Tăng các khoản phải thu		(27.058.503.042)	(41.999.062.895)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		173.542.568	(95.745.824.281)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(30.318.492.870)	53.543.046.520
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.339.496.024)	1.463.910.881
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.420.001.086)	(1.025.406.149)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.2	(5.509.673.464)	(10.350.468.352)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.805.027.300	92.560.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(14.187.978.594)	(4.509.107.612)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		11.824.419.407	(14.763.500.066)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(34.985.347.857)	(3.409.393.036)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		402.597.273	70.000.000
23	Tiền chi cho vay		-	(215.000.000)
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		1.376.254.727	3.395.490.678
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(33.206.495.857)	(158.902.358)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	6.300.833.000
33	Tiền vay ngắn hạn		213.131.664.670	37.900.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(193.927.259.270)	(26.871.000.000)
36	Cổ tức đã trả		(14.946.363.200)	(29.585.477.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		4.258.042.200	(12.255.644.200)

**SK 100****Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(17.124.034.250)	(27.178.046.624)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	43.083.964.747	70.262.011.371
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.799.319)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	25.952.131.178	43.083.964.747

Lê Quang Hồng
Người lậpLê Tôn Hùng
Kế toán trưởngHàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ("CNDKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNDKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư (0302634683)	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ năm (0302634683)	Ngày 6 tháng 9 năm 2011

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung và tại Campuchia.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 441 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 381).

Công ty có 2 công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSE")

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNDKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của SSE là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của SSE đã thông qua Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ quyết định giao cho Ban Giám đốc thực hiện các thủ tục xin phá sản công ty này. Tại ngày lập báo cáo này, SSE đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm giữ 83,74% phần vốn chủ sở hữu trong SSE.

Công ty CP Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Bắc Nghệ An ("NNA")

NNA là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNDKKD số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của NNA tại xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của NNA là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản, xăng dầu, hàng điện tử, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm giữ 70% phần vốn chủ sở hữu trong NNA.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và chi nhánh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.



Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	532.112.940	234.065.009
Tiền gửi ngân hàng	19.408.351.538	26.638.206.338
Các khoản tương đương tiền	6.011.666.700	16.211.693.400
TỔNG CỘNG	25.952.131.178	43.083.964.747

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nông dân	1.978.555.433	2.237.674.180
Phải thu từ nhân viên	708.854.565	426.096.690
Phải thu tiền lãi	31.888.889	70.750.000
Phải thu khác	2.203.581.644	1.519.673.317
TỔNG CỘNG	4.922.880.531	4.254.194.187

6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	85.856.862.892	48.522.273.281
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	57.495.991.458	75.250.690.140
Thành phẩm	32.416.477.129	52.611.456.335
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.034.148.298	11.905.815.918
Hàng mua đang đi đường	2.289.074.588	4.095.558.478
Hàng gửi đi bán	2.364.072.572	3.267.563.465
Công cụ, dụng cụ	2.215.694.462	1.192.506.350
TỔNG CỘNG	196.672.321.399	196.845.863.967
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(958.124.551)	(1.132.016.863)
GIÁ TRỊ THUẬN	195.714.196.848	195.713.847.104

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.132.016.863)	(2.750.229.590)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(958.124.551)	(1.132.016.863)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	1.132.016.863	2.750.229.590
Số cuối năm	(958.124.551)	(1.132.016.863)

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VNĐ
Nguyên giá:					
Số đầu năm	37.930.900.612	17.494.097.597	14.450.396.347	2.117.609.502	71.993.004.058
Mua mới trong năm	30.358.893.754	3.624.465.526	1.250.984.146	428.283.647	35.662.627.073
Giảm khác (*)	(337.543.197)	(1.208.725.765)	(758.920.680)	(1.070.436.890)	(3.375.625.532)
Thanh lý	-	-	(130.762.590)	-	(130.762.590)
Số cuối năm	67.952.251.169	19.909.837.358	14.811.697.223	1.475.456.259	104.149.242.009
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	13.991.070.391	4.850.733.351	4.043.245.582	504.863.792	23.389.913.116
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	22.193.689.889	9.731.207.815	8.086.052.805	1.379.088.228	41.390.038.737
Khấu hao trong năm	2.925.201.863	1.523.556.293	1.596.530.437	185.336.846	6.230.625.439
Giảm khác (*)	(257.281.108)	(700.750.315)	(832.753.896)	(844.878.432)	(2.635.663.751)
Thanh lý	-	-	(102.363.760)	-	(102.363.760)
Số cuối năm	24.861.610.644	10.554.013.793	8.747.465.586	719.546.642	44.882.636.665
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	15.737.210.723	7.762.889.782	6.364.343.542	738.521.274	30.602.965.321
Số cuối năm	43.090.640.525	9.355.823.565	6.064.231.637	755.909.617	59.266.605.344

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình sang chi phí trả trước dài hạn.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	40.684.335.409	240.118.384	40.924.453.793
Mua mới trong năm	-	40.800.000	40.800.000
Giảm khác (*)	-	(26.254.560)	(26.254.560)
Số cuối năm	<u>40.684.335.409</u>	<u>254.663.824</u>	<u>40.938.999.233</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>	446.302.520	213.863.824	660.166.344
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	2.941.033.094	227.707.323	3.168.740.417
Khấu trừ trong năm	299.900.296	10.883.946	310.784.242
Giảm khác (*)	-	(17.927.447)	(17.927.447)
Số cuối năm	<u>3.240.933.390</u>	<u>220.663.822</u>	<u>3.461.597.212</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>37.743.302.315</u>	<u>12.411.061</u>	<u>37.755.713.376</u>
Số cuối năm	<u>37.443.402.019</u>	<u>34.000.002</u>	<u>37.477.402.021</u>

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu trừ tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí nghiên cứu giống	2.076.851.769	-
Công cụ, dụng cụ	2.349.532.240	149.177.052
Chi phí sửa chữa, cải tạo	715.267.469	907.375.360
Khác	93.453.876	61.461.969
TỔNG CỘNG	<u>5.235.105.354</u>	<u>1.118.014.381</u>

**SK 100****Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**10. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VNĐ
	<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất NNA</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.840.270.788</u>
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	552.081.237
Phân bổ trong năm	<u>184.027.079</u>
Số cuối năm	<u>736.108.316</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>1.288.189.551</u>
Số cuối năm	<u>1.104.162.472</u>

11. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.730.405.400	12.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 15</i>)	<u>520.892.740</u>	<u>526.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>32.251.298.140</u>	<u>12.526.000.000</u>

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty thực hiện khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
---------------	-------------------	------------------------	----------------	-------------------

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Số VNM 03120871	4.934.405.400	Từ ngày 24 tháng 3 năm 2014 đến ngày 16 tháng 4 năm 2014	5,9%	(i) Các khoản phải thu từ khách hàng của Công ty và (ii) giá trị hàng tồn kho tối thiểu 990.000 Đô la Mỹ
-----------------	---------------	--	------	--

Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Hội sở

Số SHBVN/2013/SSC/PK03	5.000.000.000	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2014 đến ngày 24 tháng 6 năm 2014	7,44%	Tất cả quyền sở hữu và lợi ích từ các hợp đồng bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị tối thiểu 110% hạn mức tín dụng (66 tỷ đồng VNĐ)
------------------------	---------------	--	-------	--

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Số 1700-LAV-200801317	14.796.000.000	Từ ngày 10 tháng 4 năm 2014 đến ngày 17 tháng 4 năm 2014	11%	Tín chấp
-----------------------	----------------	--	-----	----------

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Số BFL072013-531	7.000.000.000	Ngày 27 tháng 1 năm 2014	6,6%	Tín chấp
------------------	---------------	--------------------------	------	----------

TỔNG CỘNG 31.730.405.400

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	810.480.276	582.106.233
Thuế thu nhập cá nhân	149.516.866	119.691.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 20.2)	50.573.720	3.664.329.878
Thuế khác	8.182.315	1.634.258
TỔNG CỘNG	<u>1.018.753.177</u>	<u>4.367.761.845</u>

**SK 100****Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	6.987.186.133	868.237.500
Chi phí vận chuyển	62.049.748	-
Khác	421.171.668	295.273.934
TỔNG CỘNG	7.470.407.549	1.163.511.434

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	37.864.988.950	15.483.964.650
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	966.423.141	935.634.142
Kinh phí công đoàn	162.430.768	415.107.229
Bảo hiểm xã hội	143.177.460	74.258.358
Bảo hiểm y tế	92.440.005	10.866.780
Bảo hiểm thất nghiệp	12.429.150	16.097.166
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.189.398.321	3.542.964.035
TỔNG CỘNG	43.431.287.795	20.478.892.360

15. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	520.892.740	1.046.892.740
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 11)	520.892.740	526.000.000
Nợ dài hạn	-	520.892.740

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hạt giống tại Hà Nội. Chi tiết như sau:

Hợp đồng vay	Số cuối năm	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
Số 41/2006-HĐTD-VNN-TD1	520.892.740	Hoàn trả trong vòng 8 năm kể từ lần giải ngân đầu tiên	5,4%/năm	Tổng giá trị tài sản hoàn thành từ dự án

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
							VNĐ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:							
Số đầu năm	149.923.670.000	6.565.250.880	(5.162.961.108)	48.553.145.547	12.818.685.180	16.305.309.203	229.003.099.802
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.470.543.532	4.830.289.468	-	-	-	6.300.833.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.472.626.234	3.157.532.078	68.150.702.850	68.150.702.850
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(12.630.158.312)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.052.057.326)	(5.052.057.326)
Có tức công bố	-	-	-	-	-	(29.887.804.000)	(29.887.804.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(798.598.085)	(798.598.085)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.035.794.412	(332.671.640)	58.025.771.881	15.976.217.258	36.067.394.330	267.716.176.241
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:							
Số đầu năm	149.923.670.000	8.035.794.412	(332.671.640)	58.025.771.881	15.976.217.258	36.067.394.330	267.716.176.241
Thu hồi cổ phiếu quỹ	-	484.620.000	(484.620.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	77.045.615.540	77.045.615.540
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.609.770.306	(989.447.113)	(10.620.323.193)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.191.877.497)	(6.191.877.497)
Có tức công bố	-	-	-	-	-	(37.327.387.500)	(37.327.387.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	69.635.542.187	14.986.770.145	58.193.421.680	300.442.526.784

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	149.923.670.000	149.923.670.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	37.327.387.500	29.887.804.000
Cổ tức đã trả trong năm	14.946.363.200	29.585.477.200

16.3 Vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(61.412)	(614.120.000)	(12.950)	(129.500.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.930.955	149.309.550.000	14.979.417	149.794.170.000

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	654.847.039.170	492.693.334.868
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	399.295.946.371	377.026.255.838
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	255.549.456.437	115.528.250.780
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.636.362	138.828.250
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(51.766.129.488)	(33.524.494.544)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(22.173.158.960)	(14.974.926.834)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(578.266.650)	(419.741.640)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(29.014.703.878)	(18.129.826.070)
DOANH THU THUẦN	603.080.909.682	459.168.840.324

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.337.393.616	3.008.640.678
Chiết khấu thanh toán	1.255.414.203	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	525.000	96.501.215
Cổ tức	-	12.500.000
TỔNG CỘNG	<u>2.593.332.819</u>	<u>3.117.641.893</u>

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	4.420.001.086	1.025.406.149
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	978.809.931	141.755.563
Chiết khấu thanh toán	469.887.824	1.065.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	468.511.502	158.315.965
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(309.000.001)
TỔNG CỘNG	<u>6.337.210.343</u>	<u>1.017.542.676</u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	413.440.647.348	286.381.266.122
Chi phí nhân công	50.362.470.836	49.319.406.816
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 7, 8 và 10)	6.725.436.760	7.208.282.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.686.272.628	25.047.754.043
Chi phí khác	20.083.016.472	13.332.792.938
TỔNG CỘNG	<u>522.297.844.044</u>	<u>381.289.502.254</u>

**SK 100****Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Nhóm Công ty là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

(i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và

(ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	1.895.917.306	12.463.536.680
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.559.202.363)</u>	<u>(15.769.943)</u>
TỔNG CỘNG	<u>336.714.943</u>	<u>12.447.766.737</u>

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	77.336.556.477	80.255.185.268
Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí phải trả	7.137.673.801	-
Lỗi (lợi nhuận) chưa thực hiện	884.937.975	(892.867.078)
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	551.729.113	175.688.886
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	214.403.172	904.442.733
Phân bổ lợi thế thương mại	184.027.079	184.027.079
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	164.063.203	(2.395.834.377)
Thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi	(468.188.697)	-
Cổ tức	-	(12.500.000)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ		
lỗi năm trước	86.005.202.123	78.218.142.511
Lỗi chuyển sang từ công ty con	1.040.232.624	2.529.399.663
Đã chuyển lỗi	(522.450.203)	(500.571.783)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	86.522.984.544	80.246.970.391
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	1.895.917.306	20.061.742.598
Miễn, giảm thuế TNDN	-	(7.598.205.918)
Chi phí Thuế TNDN	1.895.917.306	12.463.536.680
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.664.329.878	1.551.261.550
Thuế TNDN phải trả trong năm	(5.509.673.464)	(10.350.468.352)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 12)	50.573.720	3.664.329.878

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ghi thu nhập (chi phí) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	1.453.761.851	-	1.453.761.851	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	108.381.890	196.773.350	(88.391.460)	196.773.350
Lợi nhuận chưa thực hiện	252.994.204	59.162.232	193.831.972	(181.003.407)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.815.137.945	255.935.582		
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại			1.559.202.363	15.769.943

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.4. Lỗi chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản chuyển lỗ ước tính như sau:

Năm phát sinh	Cổ thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	Không được chuyển lỗ	VNĐ
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
NNA					
2009	2014	2.709.623.827	(1.314.450.411)	-	1.395.173.416

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	849.800.000	798.598.085

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	77.045.615.540	68.150.702.850
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.961.676	14.891.432
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	5.150	4.577

Không có sự suy giảm tiềm năng của các cổ phiếu phổ thông vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chế biến hạt giống và các sản phẩm nông nghiệp. Nhóm Công ty xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, và Hà Nội, Tỉnh Tây Nguyên và Nghệ An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tây Nguyên	Nghệ An	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	249.193.110.848	125.957.645.254	52.954.517.337	31.063.566.885	-	459.168.840.324
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	3.151.283.173	19.819.637.114	-	-	(22.970.920.287)	-
Tổng doanh thu	252.344.394.021	145.777.282.368	52.954.517.337	31.063.566.885	(22.970.920.287)	459.168.840.324
Kết quả						
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	41.253.097.420	25.767.710.737	11.082.348.696	256.787.267	3.104.674.376	81.464.618.496
Chi phí lãi vay	(1.025.406.149)	-	-	-	-	(1.025.406.149)
Phân bổ lợi thế thương mại	(184.027.079)	-	-	-	-	(184.027.079)
Lợi nhuận thuần trước thuế	40.043.664.192	25.767.710.737	11.082.348.696	256.787.267	3.104.674.376	80.255.185.268
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.482.378.113)	(4.171.347.640)	(1.794.040.984)	-	-	(12.447.766.737)
Lợi nhuận thuần sau thuế	33.561.286.079	21.596.363.097	9.288.307.712	256.787.267	3.104.674.376	67.807.418.531
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	290.752.856.750	92.212.983.723	39.058.897.915	12.204.966.570	(10.468.658.586)	423.761.046.372
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	255.935.582	-	-	-	-	255.935.582
Tổng tài sản	291.008.792.332	92.212.983.723	39.058.897.915	12.204.966.570	(10.468.658.586)	424.016.981.954
Công nợ bộ phận	120.505.643.338	34.967.953.248	1.184.000.853	8.393.304.653	(9.799.868.629)	155.251.033.463
Tổng công nợ	120.505.643.338	34.967.953.248	1.184.000.853	8.393.304.653	(9.799.868.629)	155.251.033.463
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí hình thành TSCĐ	4.833.878.829	-	-	-	-	4.833.878.829
Tài sản cố định hữu hình	4.818.128.829	-	-	-	-	4.818.128.829
Tài sản cố định vô hình	15.750.000	-	-	-	-	15.750.000
Khấu hao và khấu trừ	5.559.529.469	597.882.092	365.851.357	685.019.417	-	7.208.282.335

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo)

	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tây Nguyên	Nghệ An	Loại trừ	Tổng cộng	VND
Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Doanh thu							
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	295.359.828.742	206.547.716.812	60.564.037.936	40.609.326.192	-	603.080.909.682	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	821.448.371	36.293.681.812	-	-	(37.115.130.183)	-	
Tổng doanh thu	296.181.277.113	242.841.398.624	60.564.037.936	40.609.326.192	(37.115.130.183)	603.080.909.682	
Kết quả							
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	42.995.460.895	34.139.793.039	5.157.557.227	412.613.040	(764.839.559)	81.940.584.642	
Chi phí lãi vay	(4.420.001.086)	-	-	-	-	(4.420.001.086)	
Phần bổ lợi thế thương mại	(184.027.079)	-	-	-	-	(184.027.079)	
Lợi nhuận thuần trước thuế	38.391.432.730	34.139.793.039	5.157.557.227	412.613.040	(764.839.559)	77.336.556.477	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(166.394.279)	(147.967.030)	(22.353.634)	-	-	(336.714.943)	
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.225.038.451	33.991.826.009	5.135.203.593	412.613.040	(764.839.559)	76.999.841.534	
Tài sản và công nợ							
Tài sản bộ phận	458.374.257.894	4.446.768.906	1.228.390.584	17.737.367.478	(14.340.153.523)	467.446.631.339	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.815.137.945	-	-	-	-	1.815.137.945	
Tổng tài sản	460.189.395.839	4.446.768.906	1.228.390.584	17.737.367.478	(14.340.153.523)	469.261.769.284	
Công nợ bộ phận	270.193.281.642	6.589.744.446	(109.380.518.374)	13.513.092.521	(13.100.355.979)	167.815.244.256	
Tổng công nợ	270.193.281.642	6.589.744.446	(109.380.518.374)	13.513.092.521	(13.100.355.979)	167.815.244.256	
Các thông tin bộ phận khác							
Chi phí hình thành TSCĐ	35.796.810.547	-	-	-	-	35.796.810.547	
Tài sản cố định hữu hình	35.756.010.547	-	-	-	-	35.756.010.547	
Tài sản cố định vô hình	40.800.000	-	-	-	-	40.800.000	
Khấu hao và khấu trừ	5.223.064.342	529.998.023	768.903.257	203.471.138	-	6.725.436.760	

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	599.749.551	784.381.135
Từ 1-5 năm	110.998.202	110.998.202
Trên 5 năm	283.638.914	310.214.007
TỔNG CỘNG	994.386.667	1.205.593.344

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty và xây dựng nhà máy chế biến giống cây trồng. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Nhóm Công ty có thể phải đối mặt với các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Một số chi phí của Nhóm Công ty phát sinh bằng các loại ngoại tệ khác với đồng Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền, tiền gửi ngân hàng và các khoản vay.

**SK 100****Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Phải thu khách hàng**

Mục tiêu của Nhóm Công ty là tiếp tục tăng trưởng doanh thu trong khi tối thiểu hóa tổn thất phát sinh do rủi ro tín dụng gia tăng. Nhóm Công ty chỉ giao dịch với những khách hàng có uy tín, và thực hiện xem xét chất lượng tín dụng cho tất cả các khách hàng hoặc yêu cầu ứng trước tiền trước khi giao dịch. Nhóm Công ty đánh giá rủi ro nợ xấu là không trọng yếu. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty có giá trị ghi sổ tại ngày lập báo cáo được trình bày trong Thuyết minh số 6.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh từ mặc định của một bên. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>VNĐ Tổng</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Vay	32.251.298.140	-	32.251.298.140
Phải trả người bán	69.219.199.992	-	69.219.199.992
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	50.901.695.344	-	50.901.695.344
	152.372.193.476	-	152.372.193.476
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Vay	12.526.000.000	520.892.740	13.046.892.740
Phải trả người bán	97.992.933.899	-	97.992.933.899
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	21.642.403.794	-	21.642.403.794
	132.161.337.693	520.892.740	132.682.230.433

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính								
Kỳ quỹ ngắn hạn	1.468.854.000	-	201.350.000	-	1.468.854.000	201.350.000	201.350.000	201.350.000
Phải thu khách hàng	109.957.049.880	(1.586.567.426)	81.094.060.626	(971.594.261)	108.370.482.454	80.122.466.365	80.122.466.365	80.122.466.365
Phải thu khác	4.922.880.531	-	4.254.194.187	-	4.922.880.531	4.254.194.187	4.254.194.187	4.254.194.187
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.952.131.178	-	43.083.964.747	-	25.952.131.178	43.083.964.747	43.083.964.747	43.083.964.747
TỔNG CỘNG	142.300.915.589	(1.586.567.426)	128.633.569.560	(971.594.261)	140.714.348.163	127.661.975.299	127.661.975.299	127.661.975.299

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ tài chính								
Vay và nợ	32.251.298.140	13.046.892.740	32.251.298.140	13.046.892.740	32.251.298.140	13.046.892.740	32.251.298.140	13.046.892.740
Phải trả người bán	69.219.199.992	97.992.933.899	69.219.199.992	97.992.933.899	69.219.199.992	97.992.933.899	69.219.199.992	97.992.933.899
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.901.695.344	21.642.403.794	50.901.695.344	21.642.403.794	50.901.695.344	21.642.403.794	50.901.695.344	21.642.403.794
TỔNG CỘNG	152.372.193.476	132.682.230.433	152.372.193.476	132.682.230.433	152.372.193.476	132.682.230.433	132.682.230.433	132.682.230.433

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này tương đương với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



SK 100

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Lê Quang Hồng
Người lập

Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG
MIỀN NAM
Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 3 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM**

Văn phòng đại diện tại Lào

Địa chỉ: Bản Sạ Phăng Mowc, Huyện Xay Tha Ni, Thủ đô Viêng Chăn – Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Chi nhánh Cambodia

Địa chỉ: Số 56 AL đường 230, Phường Beng SaLang, Quận Toul Kok, Tp.Phnompenh, cambodia

Công ty cổ phần giống cây trồng Nam An (NAS)

Địa chỉ: Xóm 3, Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An